

DỊCH - PHÁP VỚI THIÊN - HỌC

Dịch-quan là một vũ-trụ-quan cổ-truyền của Á-Đông, bắt-nguồn từ trong cái tâm-lý bán-khai cổ-sơ của ý-thức Tiên-la-tập (prélogique) Vật-tổ thần-thoại (totem, mythe) mà đặc-trung là thông-cảm giữa nội-giới và ngoại-giới (esprit de participation) như Quẻ Hàm (咸 ䷞) trong Kinh Dịch đã nói " Đồng đồng vãng lai " (憧憧往來) nghĩa là (Hồn-nhiên qua lại), chưa có ý-thức về Ngã đối-lập với chung-quanh như là Phi-Ngã (Moi et Non-Moi) .

Kinh Dịch ghi-chú về cái vũ-trụ-quan ấy vốn là cuốn sách cổ nhất của thư-tịch cổ-diễn Tàu và là căn-bản thực-nghiệm của tất cả tư-tưởng triết-học Trung-Hoa và Á-Đông. Bởi thế mà triết-gia Nhật Nyoiti-Sakurazawa có thể căn-cứ vào đây mà nói về cái " Nguyên-lý duy-nhất của triết-học và khoa-học Á-Đông " .

Kinh Dịch có ba ý-tưởng căn-bản về triết-học :

1/_ Ý-tưởng đầu tiên và thông suốt tất cả bộ sách là ý-tưởng Dịch (易) = dời đổi. Tất cả trong thế-giới (Trôi chảy ngày đêm không ngừng) (逝者如斯不舍 晝夜 (論語)) " Thệ giả như tư phù bát sả trú dạ " (Luận-Ngữ _ Không-Tử). Cũng như Héraclite bên Hy-Lạp nhận-định : (Tất cả đều thay-đổi, tất cả đều trôi đi) " Tout change, tout coule ". Đã cảm thấy thay-đổi thì không còn để ý đến những vật riêng-biệt, đặc-thù, luôn luôn biến-đổi, vừa mới thế này đã là thế khác, vừa mới là A đã tự phủ-nhận để thành B, C Bởi thế mà phải tìm đến cái gì nó làm cho biến-đổi ở tất cả sự-vật như thế. vì sự-vật mật-thiết tương-quan với mình, với người đứng quan-sát cũng là thành-phần luôn luôn biến-đổi, như nhà Phật nói : Ngoại-giới là một trào-lưu, nội-giới cũng là một trào-lưu

" *Hằng chuyển như bực lưu* " _ (*Duy-Thức*) (恆轉如瀑流 (唯識))
(Thường biến-chuyển như giòng thác chảy) .

Người ta đứng ở trong cái dòng trôi chảy ấy như trong trào-lưu không thể ra khỏi phút nào cái thế-giới Dịch, mà cũng không có vật gì là có thể biệt-lập để tri-giác được cả, thì chỉ có sự quyết-định để bắt đầu xác-định vị-trí tương-quan giữa mình với toàn-thể. Quyết-định ấy là một giả-định (*Postulatum*) về cái Thái-Cực (*Unité première*), cái Duy-Nhất, cái Đầu-mối khởi-thủy. Nhưng cái khởi-thủy ấy không phải ở ngoài chủ-thể vì tất cả là một mối quan-hệ dịch-hóa cho nên không thể đối-tượng-hóa thành một cá-thể độc-lập với trào-lưu, chỉ phải là một đường lối biến-chuyển chung của thế-giới, một chiều-hướng toàn-thể trật-tự không biến-đổi, tồn-tại, một cái *Đạo-Thường* (常道). Đây là ý-nghĩa huyền-bí của câu " *Vô cực nhi thái cực* " (無極而大極). Cái đầu mối Duy-Nhất ấy vừa là toàn-thể các sự-vật biến-đổi trong thế-giới, vừa bao-hàm cả thế-giới, nghĩa là " *vừa tiềm-tàng vừa siêu-nhiên* " (*immanent - transcendant*) chỉ có thể để cho ta cảm-thông mà không cho phép đối-tượng-hóa với một chủ-thể tri-giác biệt-lập nào được. Có thể đối-tượng-hóa để mà thấy chỉ là tác-dụng biến-đổi, hiện-tượng sáng tối, lên xuống, Âm Dương tương-đối với Toàn - Nhất là Đạo, là Thái-Cực -- Vô-Cực, như tượng-trung điển-hình bằng một vòng tròn ôm hai nửa sáng tối, một nửa lại ôm lấy cái mầm sáng tối bên

trong, cứ như thế đến vô-cùng  . Đây là luận-lý Dịch, hay là Biện-chứng Tượng, tức là biện-chứng trực-giác không phải luận-lý Tam-đoạn (*Logique formelle*) bất mâu-thuẫn của lý-trí (*A là A không thể vừa là A lại vừa là B khác A*). Vì Dịch là biến-đổi không ngừng thì *A* phải trở nên *B* khác với *A*, và *B* tuy khác mà vẫn còn cái gì giống nhau, đồng-nhất, thì mới gọi là vận-động được, bằng không thì trong thế-giới này chỉ có một mình *A*, lại một mình *B* trơ-trọi, tuyệt-đối) .

Không, vũ-trụ-quan Dịch ngụ có cái gì tồn-tại bên trong gọi là nguồn sống liên-tục, cho nên mới định-nghĩa " *Sinh sinh chi vị dịch* " (生生之謂易 _ *Hệ-Từ*). Như thế là trên mặt Nguồn-sống Sinh-Sinh như

nước biển nổi hiện những làn sóng khác nhau A, B, C..... về hình-tượng, nhưng thể-tính vẫn là nước, là nguồn Sinh-Sinh đồng-nhất với Vũ-trụ là Thời-Không vì Thời-Không tức là Vũ-trụ :

(" Tứ phương thượng hạ vị chi vũ,
Cổ vãng kim lai vị chi trụ "

四方上下謂之宇
古往今來謂之宙
(淮南子)

= Bốn phương và trên, dưới gọi là vũ (không-gian),
Xưa đi nay lại gọi là trụ (thời-gian).

Vũ-trụ là Thời-Không (Espace-temps) chứ không phải thời-gian và không-gian độc-lập. Cái luận-lý toàn-diện về Tượng hay là biện-chứng trực-giác của Dịch ấy còn thấy rõ ở câu :

(日往則月來月往則日來而明生焉)

" Nhật vãng tắc nguyệt lai, Nguyệt vãng tắc nhật lai như minh sinh yên ".
Nhìn vào chữ tượng hình thấy ngay đặc-tính biện-chứng Tượng là một quá-trình khai-triển (日, 月, 明). Dem thay bằng khái-niệm hợp lý cố-định như ở toán-số, 日 = + 月 = - 明 = (+) + (-) = 0 chúng ta thấy rõ điểm khác-biệt giữa luận-lý Dịch với luận-lý Tam-đoạn-luận của Aristote. Một đànng Nhật với Nguyệt thành Minh, một đànng Khảng-định với Phủ-định là không có gì nữa, Zero .

Biện-chứng Dịch cũng khác với biện-chứng khái-niệm (dialectique des concepts) của Hegel vì khái-niệm là hợp-lý, còn Dịch là Tượng như

Hệ-Từ đã định-nghĩa : " Dịch giả tượng dã " (易者象也) là thuần-túy kinh-nghiệm (pure expérience) một quá-trình những trạng-thái ý-thức tinh-khiết, thuần-nhất, chưa thể-hiện , không hình-ảnh hay ý-niệm (不中無方而易無體 (易傳)) " Thần vô phương nhi dịch vô thể (Dịch-Truyện)". Đây là đối-tượng của cái tâm vô-niệm trong Thiên-

học. Vậy Dịch là biện-chứng của Tượng (Dialectique intuition) là điểm thứ hai của Kinh Dịch .

2/_ Ý-tưởng căn-bản thứ hai là thuyết *Tượng* (象) : " *Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hóa hiện hỹ* " _ (*Dịch-Truyện*) (在天成象在地成形变化見矣.) = (Ở trên trời là tượng, ở mặt đất là hình, biến-hóa biểu-hiện ra vậy) .

Chỉ tri-giác được những biểu-hiện tương-đối của cái Đạo toàn-thể dịch-hóa như Tượng và Hình quan-hệ với nhau, vì chỉ là những trạng-thái biến-đối, những triều-hướng vận-động. Triều-hướng ấy đi từ lúc chưa có ý-thức đi ra, hay nói đúng hơn từ trong cái cảnh tâm-trạng hồn-nhiên " *Đồng đồng vắng lai* " như trong giấc ngủ say chợt tỉnh dậy trước khi ý-thức được rõ-ràng. Vậy thì Tượng có trước trong tâm-trạng hồn-nhiên của nhân-loại ban-sơ, gần với cái thực-tại hồn-nhất, Thái-Cực. Vậy trật-tự biểu-hiện sinh-thành của thế-giới là sự-vật có Hình trên mặt-đất, đều là hiện-tượng biến-hóa từ chỗ siêu-hình của Tượng ra, và Tượng ấy cũng do sự tác-dụng của Đạo toàn-nhất mà ra, ví như trong giấc ngủ-say chỉ có sự Sống, rồi tỉnh dậy các hình-thái sự-vật bắt đầu nổi hiện dần dần. Muốn biết sự-vật thì phải tìm vào Tượng :

在天成象在地成形 (易傳)

" *Tại Thiên thành Tượng, tại Địa thành Hình* " _ - *Dịch Truyện*)
(Ở Trời là Tượng, ở Đất là Hình) .

Nhưng danh-từ Trời, Đất ở trong cái tâm-trạng còn hồn-nhiên Tiên-la-tập (philogique), chưa ý-thức sự phân-biệt đối-đãi nội-giới chủ-quan với ngoại-giới khách-quan thì bấy giờ ở đâu, là cái gì, nếu chẳng phải là những trạng-thái nằm trong thuần-túy kinh-nghiệm (pure expérience) của nhân-loại ban-sơ thấy được trực-tiếp, hay trực-giác. Những trạng-thái thuần-túy kinh-nghiệm ấy là *Tượng* (象), hình-ảnh tương-tự, Tượng là Giống : (象者像也) " *Tượng giả tượng dã* ". Giống với cái gì khi chưa

có ngoại-giới và nội-giới, nếu chẳng phải là gần với triều-hướng vận-động của toàn-thể Dịch từ trong biểu-hiện ra ? Triều-hướng ấy trước hết là toàn-thể Dịch, rồi đến Thái-Cực, là cái Một đầu-môi trật-tự toàn-thể vận-động, kể đến sự phân-hóa cụ-thể hơn ra Lưỡng-Nghi, Âm-Dương, Nội-Ngoại, Tâm-Vật, Trời-Đất v.v.....

Vậy Tượng không phải là khái-niệm duy-lý (concept logique) mà là kinh-nghiệm tiền-la-tập (percept prélogique) cho nên gần với thực-tại toàn-diện là Dịch, là Đạo-thể siêu-nhiên (transcendant). Cái siêu-nhiên ấy ở bên trong, là cái " *Trung vị phát* ", " *Vị phát chi vị trung* " (未發之謂中) chưa phát-hiện gọi là " *Trung* ", từ trong phát-hiện ra gọi là " *Tượng* " rồi mới đến " *Hình* ". Bởi thế mà Lão-Tử bảo :

(Đạo làm ra vật thì bắt đầu hoảng-hốt như tâm-trạng người nửa thức nửa ngủ, chập-chờn. Tuy chập-chờn như thế mà ở trong có cái gì tương-tự, gọi là *Tượng*. Tuy chập-chờn mà ở trong có vật-thể .)

" *Đạo chi vi vật duy hoảng, duy hốt. Hốt hể hoảng hể kỳ trung hữu tượng, hoảng hể hốt hể kỳ trung hữu vật* ". (ch. 21)

道之為物惟恍惟惚惚兮恍兮其中有象
有象恍兮惚兮其中有物 (二十一章)

Như vậy người ta thấy " *Tượng* ", nghĩa là tinh-thần trực-tiếp với *Tượng* rồi mới đến vật cụ-thể hữu-hình bên ngoài qua giác-quan. Nếu giác-quan đáng nghi-ngờ thì phải tìm hỏi đến *Tượng* trong thuần-túy kinh-nghiệm ở nội-tâm, tức là nội-quan mà trực-giác. Và bởi thế mà những con số 1 , 2 , 3 , 4 để đếm sự-vật đặc-thù cũng chỉ là tượng-trung cho ý-nghĩa siêu-nhiên còn thật hơn ở bên trong, ví như số 1 là Trời, số 2 là Đất Trời, Đất cũng chỉ là hai phương-diện với ý-nghĩa tượng-trung cho một cái gì thâm sâu hơn .

Sở dĩ dùng số là để diễn-tả ra các hình-thức, như ngôn-ngữ danh-từ để diễn-đạt ý-nghĩa bên trong. Nhân hình-thức bên ngoài mà đoán biết cái gì còn bí ẩn bên trong, cho nên kinh Dịch với hình-thức diễn-tả ra các

vạch, các quẻ đã dùng làm sách bói, đoán biết việc lành, việc dữ mà hành-động, một đường lối hành-vi hữu-hiệu. Bởi thế mà cái ý-tượng căn-bản thứ ba của kinh Dịch là :

3/_ *Từ* (辭). *Từ* là phán-đoàn giá-trị của *Tượng* do các vạch, quẻ hình-dung một cách tượng-trung. (辨吉凶者存乎辭(易傳)) "*Biện cát hung giả tồn hồ từ*" _ (Dịch Truyện) nghĩa là đề (Biện-biệt lành hay dữ thì cốt ở lời "*Từ*" = (Phán-đoán).)

Phán-đoán ấy đề cho người ta có thể quyết-định về hành-vi trong trường-hợp nhất-định. Như vậy thì ý-chí của người ta can dự một phần nào vào vận-hành của vũ-trụ, chứ không phải người ta hoàn-toàn mù-quáng theo định-mệnh .

Ba đề-tài căn-bản trên đây của kinh Dịch là *Dịch* (易), *Tượng* (象), *Từ* (辭) đủ cho ta thấy đại-khái tinh-thần của Dịch-pháp. Thế-giới biến-đổi không ngừng, không có vật độc-tồn, tất cả đều quan-hệ với nhau trong trào-lưu của một Nguồn-sống "*Sinh-sinh chi vị*" (生生之謂). Nguồn-sống Sinh-sinh ấy là thực-tại tuyệt-đối chi-phối cá-nhân con người từ trong vô-thức hay tiềm-thức (unconscious) chưa phát-hiện mà người ta có thể thấy được bằng thuần-túy kinh-nghiệm ở trạng-thái "*Tượng*", hay là tri-giác thuần-túy hoặc trực-giác. Để tránh dữ lành, thuận theo với hiện-tượng của Nguồn-sống toàn-thể, người ta phải phán-đoán về *Tượng* tức là *Từ* .

Phán-đoán về *Tượng* tức là nhận-định một trường-hợp như toàn-thể và đặt chi-tiết đối-chiếu với một bối-cảnh vũ-trụ là trường thiên diễn Âm-Dương, hay lực mâu-thuẫn, trái-ngịch, vì có mâu-thuẫn mới có vận-động biến dịch. Vì giả-định "*Thiên nhân tương dữ*" "*Thế-giới tương-quan*" hay "*Vạn vật nhất thể*" cho nên mỗi trường-hợp ở nội-giới cá-nhân đều tương-đương với một trường-hợp ở vũ-trụ .

Nói cách khác thì nội-giới cá-nhân và ngoại-giới thiên-nhiên chỉ là hai phương-diện biểu-hiện của một thực-tại toàn-diện, tuyệt-đối là Nguồn-sống " Sinh-sinh ". " *Thiên Địa chi đại đức viết sinh* " (Cái đức lớn vô-hạn của Trời Đất là Nguồn-sống) (天地之大德曰生).

Vậy tất cả vấn-đề là làm sao thấy được *Tượng*, gọi được cái trạng-thái thuần-túy kinh-nghiệm hay là tiềm-thức lên ý-thức ? Ý-thức được ở tiềm-thức hay vô-thức là thần-thức và thần-thức thì biết được sự sắp đến, tức là tiên-tri vậy. Dịch Truyện viết : " *Thần dĩ tri lai, trí dĩ tàng vãng* " (神以知来, 知以藏往) (Thần-thức biết cái sắp đến, trí-thức chứa sự đã qua). Thần đây tức là Dịch, ở nhân-thân là cái thực-tại tuyệt-đối, vô-hạn, cho nên bảo : " *Thần vô phương nhi Dịch vô thể* " _ (*Dị ch Truyện*) (神無方而易無體 (易傳)) (Thần-linh thì không có định phương, mà Dịch thì không có định thể). Và thần-linh ấy cũng là tinh-thần cá-nhân ở trạng-thái " *Chí-thành* ", tập-trung tất cả tác-dụng nhất-trí như nói ở sách Trung-Dụng : " *Chí thành như thần* " (至誠如神) (Hết sức thành khác gì thần-linh). Chữ Thành ở Hán-tự hội-ý như vẽ ra một tâm-trạng trong đó tác-dụng tri-thức do chữ *Ngôn* (言) đại-biểu, hợp với tác-dụng hành-động do chữ *Thành* (成) đại-diện, chữ này cũng lại kết-hợp với chữ *Lực* (力) và chữ *Qua* (戈) hội ý nghị-lực của kẻ cầm cung bắn, tập-trung tất cả ý muốn hay tình-cảm, ý-chí vào mục-tiêu. Như thế chỉ có Hán-tự mới cho ta mô-tả đồng-thời nhiều tác-dụng một lúc. Đây là một tâm-trạng thuần-túy kinh-nghiệm, tập-trung được tất cả ba tác-dụng tinh-thần nhân-loại, tình-cảm, lý-trí và ý-chí vào một điểm. Đây là " *Chí thành* " (至誠), cho nên ý-thức cá-nhân phối với vô-thức là vũ-trụ tự-nhiên tức là " *Như Thần* " (如神). Chính ở đây là tinh-thần đặc-trung của Dịch-pháp, một " kỹ-thuật trực-giác căn-cứ vào nguyên-lý liên-hệ đồng-thời không nhân-quả " (The method, like all divinatory or intuitive technique, is based on an a-causal or synchronic connective principle _ C.G. Jung _ " The interpretation of Nature and the Psycho " _ Bollinger series LI .).

Và nhà phân-tâm-học trứ-danh thế-giới hiện thời giải-thích cái định-luật đồng thời dưới nhan-đề : " Synchronicity : An A-causal Connecting Principle ", " Đồng thời tính : Một nguyên-lý liên-hệ phi nhân quả " :

" Vấn-đề Đồng thời tính làm tôi thắc-mắc từ lâu, bắt đầu từ giữa thế-kỷ XX khi tôi khảo-sát về hiện-tượng vô-thức tập-thể và tôi tiếp-tục trải qua những liên-hệ mà tôi không thể chỉ giải-thích như là những tập-hợp hay quá-trình may rủi. Điều tôi thấy là những sự gặp-gỡ kết-hợp liên-hệ với nhau rất có ý-nghĩa, không cho phép người ta tin được chúng xảy ra do sự may-rủi hay ngẫu-nhiên

" Một bà vợ của một ông bệnh-nhân của tôi, chạc 50 tuổi, một lần kể cho tôi nghe rằng lúc mẹ và bà nội ba ta chết, có một đàn chim bay đến đậu ở cửa sổ buồng các bà ấy chết. Tôi đã được nghe những câu chuyện tương-tự ở người khác. Khi việc chữa bệnh cho ông chồng bà ta đã sắp xong, bệnh thần-kinh của ông ta đã khỏi hẳn rồi, thì hình như có một số triệu-chứng không quan-trọng tôi nhận thấy hiện ra ở ông ta, như là triệu-chứng đau tim. Tôi bèn gửi ông ta đi đến một bác-sĩ chuyên-môn. Sau khi quan-sát, thử-thách, bác-sĩ ấy viết cho tôi là không thấy lý-do gì để lo ngại cả. Khi ông bệnh-nhân ở nhà bác-sĩ đó ra về, với giấy chứng-nhận của bác-sĩ trong túi, ra đến đường phố thì ngã siu. Trong khi người ta khiêng ông hấp-hối về nhà, bà vợ ông ta đã tỏ ra hết sức lo sợ vì ngay sau khi chồng bà đi bác-sĩ chuyên-môn kia thì một đàn chim đến đậu trên nóc nhà bà. Dĩ-nhiên bà ta nhớ lại những việc tương-tự đã xảy ra khi mẹ và bà nội ba ta mất, và bà ta sợ việc ấy lại cũng sẽ tái diễn cho chồng bà "

_ (sách đã dẫn trên _ tr. 30 - 32)

Tóm lại định-luật đồng-thời chi-phối những sự-kiện xảy ra cùng một lúc mà không liên-hệ nhân-quả với nhau, cái này làm nguyên-nhân cái kia tất nhiên sẽ là kết-quả. Không, ở đây nhiều sự-kiện xảy ra cùng một lúc cũng tất nhiên nhưng không trước sau, mà cũng không ngẫu-nhiên, như việc một người ở một nơi mộng thấy người bạn thân yêu của mình chết ở một nơi khác, xa cách như ở hai góc trời Đông và Tây, trước khi nhận

được tin cho biết. Và giấc mộng ấy với việc chết kia thường xảy ra cùng một lúc. Triết-gia Đức Schopenhauer đã tuyên-bố cái định-luật ấy như sau:

" Tất cả sự-khiện trong đời một người có thể biểu-diễn tương-đương nhau thành hai loại liên-hệ căn-bản khác nhau : trước hết là trong liên-hệ nhân-quả khách-quan của trình-tự thiên-nhiên ; sau hết là trong liên-hệ chủ-quan chỉ tương-quan với cá-nhân nào kinh-nghiệm và như thế nó có tính-cách chủ-quan như trong giấc mộng của y . "

_ (Jung _ trích-dẫn ở sách đã nói trên, tr. 16)

Chính cái định-luật đồng-thời ấy mà Dịch-pháp lấy làm căn-cứ trong việc đoán điềm lành, dữ sắp đến qua những quẻ, những tượng biểu-thị bằng những vạch liền, vạch đứt. Vạch liền đại-diện cho triều-hướng vận-động Dương (陽) ly-tâm (centrifuge), vạch đứt đại-diện cho triều-hướng Âm (陰) qui-tâm (centripède) ở toàn-thể vũ-trụ, nội-giới cũng như ngoại-giới. Không cần đi sâu vào kỹ-thuật Bốc-phệ bói-toán của Kinh Dịch, chúng ta chỉ nên biết là Dịch-pháp luôn luôn áp-dụng định-luật đồng-thời (synchronicité - simultanité) cho sự-khiện nội-giới và ngoại-giới, nhân-tâm và vũ-trụ " *Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* " (同聲相應 同氣相求 - (易上乾)) (Cùng thanh-âm đáp lẫn nhau, cùng khí-chất tìm gặp nhau) _ (Kinh Dịch, thượng quẻ Kiền). Cái định-luật ứng - cầu ấy chính là định-luật đồng-thời (synchronicité) phi nhân-quả mà Dịch-pháp dùng vào vũ-trụ-quan vận-động biện-chứng Âm-Dương để gọi lên ý-thức, từ cõi " *Trung vị phát* " (中未發) tức là từ nơi vô-thức (unconscious) của tâm những trực-giác, những Tượng (象) triều-hướng vận-động của Nguồn-sống bản-thể vũ-trụ. Gọi lên bằng cử-động gieo quẻ với một tâm-trạng Chí-thành, vì (誠於中形於外) " *Thành ở trong hình ở ngoài* " (Thành-thật bên trong thì hiện ra bên ngoài) và nhân cái ngoài mà đoán biết việc sắp đến. Vì việc sắp đến cho ta là kết-quả của sự-khiện Âm-Dương ở ngoại-giới với sự-khiện Âm-Dương ở nội-giới gặp-gỡ đồng thời, thanh khí ứng cầu, vì Âm-Dương chỉ là hai triều-hướng vận-

động của một thực-thể Nguồn-sống đại-đồng. Sự gặp-gỡ đồng thời ấy cho ta thấy được vận-động của Đạo vì Đạo là Thành (道 = 誠) " *Thành giả thiên chi Đạo* " (誠者天之道) (中庸), hợp-nhất ngoại-giới với nội-giới " *Hợp ngoại nội chi Đạo* " (合外內之道), tức là nối được cái Ngã ý-thức với cái Phi-Ngã vô-thức vậy.

Đây chính là mục-tiêu của Thiên-học, phủ-định và vượt lên, phủ-định tất cả cái Ngã hình-danh sắc-tướng (nama-rupa) đến cái Không (sunyata) là cõi không phải hình-danh sắc-tướng nữa, tức là đến cái Siêu-thức hay Thân-thức của Dịch-học hay Tâm Thành (心誠).

PHẬT - GIÁO VIỆT-NAM

Kể từ nhà Vua khai-quốc họ Lý con Phật tức Lý-Phật-Tử (571 - 602) dựng cờ độc-lập cho dân-tộc, không từng lãnh-đạm với việc đời để yên-phận xuất-thế tiêu-cực. Trái lại tinh-thần dân-tộc vẫn nung-nấu các vị Thiền-sư, cho nên từ thời Ngũ-Đại bên Tàu (907 - 959) đến đời Bắc-Tống, chính-cuộc Trung-quốc rồi-ren, đối với Việt-Nam không đủ sức không-chế. Bấy giờ anh-hùng hào-kiệt đất Giao-Châu nổi lên như ong, nỗ-lực tranh-đấu đánh đổ chế-độ thống-trị của Tàu để giải-phóng dân-tộc, tổ-chức nền chính-trị tự-chủ độc-lập. Trong khoảng từ thời Ngũ-Đại đến đầu nhà Tống, ở Việt-Nam trước sau nổi lên có 5 họ con nhà Tướng là họ Khúc, họ Đường, họ Kiều, họ Ngô và họ Đinh.

Giới trí-thức Việt-Nam bấy giờ gồm các Thiền-sư Hán-học uyên-thâm, tư-tưởng sâu rộng, có nhiều Thiền-sư nổi tiếng tại triều nhà Đường như chúng ta đã thấy ở trên. Bởi thế, đứng trước nhân-dân càng ngày càng ý-thức về dân-tộc, các nhà sư không thể lãnh-đạm với thời-cực, với mệnh-vận nước Việt. Bên cạnh tư-tưởng giải-thoát bằng tâm-linh thực-nghiệm, chúng ta thấy trà-trộn tư-tưởng Dịch-học có tinh-thần ma-thuật tướng-số,

pháp-thuật thần-thông hay tiên-tri sấm-kỳ là khuynh-hướng rất thực-tiến, có hoài-vọng chiếm-đoạt quyền-năng tạo-hóa để phụng-sự cho nên thịnh-vượng của Quốc-gia .

Phật-giáo Thiên-Tông chuyên vào đường tu-luyện khả-năng trực-giác ở con người, đem cái trực-giác ấy ứng-dụng vào Dịch-học thì Tượng-số biến thành lời Sấm tiên-tri vận nước, điềm lành, ấy là thực-tiến vậy .

Khuynh-hướng ấy là khuynh-hướng của Thiên-sư Định-Không (868) (定空) (nghĩa là tập Định vào Chân-Không), thuộc dòng Ti-ni-đa-lưu-chi đã đem Phật-giáo ứng-dụng vào Lý-Số, Dịch-pháp :

" Ông ở chùa Thiên-Chúng, làng Đình-Bảng phủ Thiên-Phúc, vốn người làng Cổ-Pháp. Ông vốn dòng họ Nguyễn, hiểu rõ việc đời và Lý-số, làm việc có phương-pháp, người làng tôn kính lên bậc Trưởng-lão .

" Thời-kỳ luống tuổi Ông đến dự hội Long-Tuyền ở Nam-Dương nghe thuyết-pháp, hiểu tôn-chỉ. Từ đấy qui tâm Phật-giáo. Năm Trinh-Nguyên nhà Đường (785), ông dựng ngôi chùa Quỳnh-Lâm ở quê nhà. Khi bắt đầu đào móng xây nền, đào được một chiến " Hương đề " (香題) (Bát hương ?). Mười chiếc Khánh (磬子十口) sai người đem xuống nước rửa, một chiếc (一口) bị chìm xuống nước tới đất mới thôi (一口下水至土乃止) , sự thấy thế giảng rằng :

" Mười miệng (十口) thành chữ Cổ (古). Đi xuống nước thành chữ Pháp (法 = 水去), đất là chỗ ta ở tức là đất gốc này. Nhân thế mới đổi tên cũ của làng là Diên-Uân ra Cổ-Pháp (古法) .

" Lại làm một bài tụng rằng :

地呈法器
一品精銅
置佛法之興隆
立鄉名之古法

" Địa trình Pháp khí
Nhất phẩm tinh đồng
Trì Phật Pháp chi hưng long
Lập hương danh chi Cổ-Pháp ".

(Đắt dâng đồ thờ
Chắt đồng tốt chứa !
Dựng Phật Pháp đến giờ thịnh-vượng
Đặt tên làng Cổ-Pháp thay xưa).

" Lại có câu :

法器出現
十口銅鐘
李興王三品成功

" Pháp khí xuất hiện
Thập khẩu đồng chung
Lý hưng vương tam phẩm thành công ".

(Đồ thờ xuất-hiện
Mười chiếc chuông đồng
Nhà Lý lên Vua ba phẩm thành công) .

" Lại có câu :

十口水土去
古法名鄉號
鷄居鸞月後
正是興三寶

" Thập khẩu thủy thổ khứ
Cổ Pháp danh hương hiệu
Kê cư loan nguyệt hậu
Chính thị hưng tam bảo " .

(Thập, khẩu, thủy, thổ, khư

Là Cô Pháp tên làng

Đóng ở phương Tây < gà > [Đàng sau nước vòng mặt-trăng]

Chính đây dựng ngôi Tam-bảo < chùa > .)

" Khi sắp qui-tịch, sư nói với đệ-tử Thông-Thiện (通善) rằng :

“ _ Ta muốn mở rộng làng nhà, nhưng giao thời sợ có tai vạ sắp đến, ắt có kẻ lạ lại phá-hoại cảnh thổ ta (sau Cao-biên nhà Đường đến chân yểm). Sau khi ta mất, con nên khéo giữ lấy Đạo-Pháp, truyền cho người nhà Đinh, ấy là lòng ta mong mỏi ”.

" Nói xong, từ-biệt mà tịch, thọ 79 tuổi. Bấy giờ là Đường Nguyên-Hòa năm thứ ba (元和三年). Thông-Thiện dựng tháp ở phía Tây chùa Lục-Tổ, nhân ghi cả lời dặn vào đá mà mai-táng ."

_ (Đại-Nam Thiên-Uyển Truyền-Đăng Tập-Lục)

Xem tiêu-sử của Đinh-Không trên đây chúng ta nhận thấy ông đi từ " *Thâm minh thế số* " (深明世数) nghĩa là (Tỏ rõ việc đời vận-số) để rồi kết-thúc vào Phật-giáo mà vẫn tiếp-tục thốt ra lời Sấm (讖) tiên-tri về thời-vận. Những lời Sấm ấy không thể giải-thích theo lý-luận nhân-quả được mà rõ ràng là chúng tuân theo định-luật đồng-thời phi-nhân-quả. Như chúng ta đã thấy trên kia, sự-kIỆN tiên-tri có tính-cách phi-lý, hay thuộc về liên-hệ phi-nhân-quả, cho nên Đinh-Không thấy một việc bên ngoài như đào được mười (10) cái khánh, đem rửa chìm xuống đáy nước mất một (1) còn lại chín (9). Chiếc khánh có hình chữ Khẩu (口) là miệng, ba (3) chữ Khẩu hợp lại thành chữ Phẩm (品). Thế mà bất giác ông liền liên-tưởng ra chữ Cỗ (𠂇) = (十 và 口), chữ Pháp (法 = (水 và 去)). Một chiếc khánh chìm mất là Nhất Phẩm (一品), trong mười miệng hay Thập Phẩm (十品).

Vậy, chủ-quan ông tán ngay có sự phù-hợp giữa chữ Pháp là Phật-Pháp. Số mười (10) là sô một (1) viên-mãn của nhà Phật :

" Chín phương Trời, mười phương Phật "

Phật-Pháp, nói về cái khởi-thủy xưa nhất tức là Cỗ-thủy (古始) là Nguyên-lý khởi-thủy của vũ-trụ, cho nên bảo Thập-Khẩu = Phật = Cỗ (古). Cái nguyên-lý ấy cũng chính là Thủy (水) ở vũ-trụ-quan Ngũ-Hành (五行) nói ở Hồng-Phạm trong Kinh Thư (天一五水) " Thiên nhất sinh thủy " . Vậy Cỗ-Pháp có nghĩa là Nguyên-lý tối cổ của Phật-Pháp, ông lấy để đặt tên cho làng ông, ngụ-ý cầu mong và đề-cao Phật-giáo nữa .

Nhưng làm sao ông biết trước được việc yểm đất của Cao-Biên, việc làm Vua của họ Đinh, họ Lý sau này, xa cách hàng vài ba thế-hệ ? Giữa việc đào khánh kia với những việc này có liên-hệ gì với nhau ? Chắc-chắn không phải là nhân-quả với nhau rồi. Như vậy thì chỉ có thể hiểu được bằng giả-định những sự-kiện các cái " khánh " kia đã thức-tỉnh hay gọi lên ở tinh-thần Đinh-Thông lúc ấy một số trực-giác về thực-tại Nguồn-sống đại-đồng ngoài thời-gian và không-gian. Chữ Đinh (丁) cũng có thể do hình-ảnh " Một người đứng đầu ", " Một khai quốc anh-hùng " gọi lên, còn như chữ Lý phải chăng chẳng là nhớ lại Vua Lý-Phật-Tử trước kia, một nhà Vua lý-tưởng là " con Phật " , người ta có thể hiểu câu Sấm rằng :

Pháp khí xuất-hiện = Một khí-cụ của Nguyên-lý Phật-giáo xuất-hiện .
Thập-Khẩu đồng chung = Mười là số viên-mãn đại-đồng .
Lý hưng vương tam phẩm thành-công ! = Vua Lý con Phật lại phục-hưng ngôi Cửu-trùng :
(三品 = 3 3 = 9 tức 10 = 1 + 0 hay là 10 - 1 = 9) .

Đại khái có thể hiểu theo cái định-luật Phi-nhân-quả của những sự-kiện trực-giác siêu-nhiên liên-hệ với nhau một cách đồng thời, *thanh khí tương cầu* (聲氣相求) .

Cái trực-giác ấy chính là cái Biết Bát-Nhã Giác-ngộ của Thiền-học bổ-túc, hoàn-thành cho cái Biết về đời và số thuộc về trí-thức và siêu-hình, một cơ-sở tâm-linh thực-nghiệm khai-phóng vậy .

Nhưng một điều chắc-chắn là nhà Thiền-sư Đinh-Không (niệm về Chân-Không = Sunyata) đã áp-ủ trong lòng tư-tưởng giải-phóng dân-tộc, độc-lập quốc-gia, là tư-tưởng tích-cực nhập-thế chứ không phải tiêu-cực xuất-thế như người ta lầm tưởng về Phật-giáo .

Cái tinh-thần dung-hợp Phật-pháp với Dịch-pháp để phục-vụ hiện-sinh ấy còn thấy ở cả một lớp Thiền-sư tiên-phong cho thời-đại tự-chủ và thống-nhất quốc-gia dân-tộc với Đinh-Tiên-Hoàng (968 - 980). Lớp Thiền-sư ấy thấy còn được ghi chép là La-Quý-An Trưởng-lão (936) (羅貴安長老), Pháp-Thuận Thiền-sư (991) (法順禪師) và nhất là Vạn-Hạnh Thiền-sư (1000) (萬行禪師). Tất cả các vị Thiền-sư ấy đều có khuynh-hướng thâm-thái ở Phật-giáo cái nguồn khí-lực tâm-linh, không phải để cầu giải-thoát riêng cho một mình mà là để tìm giải-thoát cả cho đoàn-thể dân-tộc khỏi ách đô-hộ chính-trị của người Tàu, thoát-lý khu-vực văn-hóa phương Bắc thuần lý để tự ý-thức sứ-mệnh văn-hóa phương Nam, hợp lý, hợp tình, cởi mở hơn. Và họ đã bắt đầu nói Phật-giáo siêu-nhiên với dân-tộc hiện-sinh bằng con đường ma-thuật (magique) là tinh-thần văn-hóa phổ-thông Đông-Nam-Á như Sấm-kỳ, như Phong-thủy, như Đồng-cốt v.v..... Cái tinh-thần dung-hợp ấy đã được Vua Lý-Nhân-Tông mô-tả rất khúc-triết và minh-bạch trong bài thơ khen tặng Vạn-Hạnh :

萬行融三際
真符古鑑機
鄉關各古法
柱錫鎮王畿

" Vạn-Hạnh dung tam tế
Chân phù cổ sấm kỳ
Hương quan danh Cổ-Pháp
Trụ tích trấn vương kỳ ".

Nghĩa là : (Sư Vạn-Hạnh nói được ba phương-diện của thực-tại : Siêu-nhiên (Trời) ; Thiên-nhiên (Đất) ; Nhân-sinh (Người. Quá-khứ, hiện-tại, Vị-lai vào một tâm-linh liên-tục sinh-thành, quán thời-không.

Bài chú Sấm-ký rất màu-nhiệm. Quê-hương có tên là Cỗ-Pháp, tức là Nguyên-lý khởi-thủy hay là Phật-pháp.

Chống gây tích-trượng của nhà Phật để trấn-giữ lãnh-vực Quốc-gia, chủ-quyền dân-tộc .)

VẠN-HẠNH (萬行) (1025) . _

Sách " Thiên-Uyển Truyền-Đăng Tập-Lục " chép sự-tích Vạn-Hạnh như sau :

" Vạn-Hạnh Thiên-sur ở chùa Lục-Tổ, làng Dịch-Bảng, phủ Thiên-Đức, là người làng Cỗ-Pháp. Vốn họ Nguyễn, nhà thờ Phật đời đời. Thuở nhỏ khác thường, thông-quán " ba môn học " (貫三學), nghiên-cứu Bách-Luận, một bộ Kinh gồm một trăm câu kệ của Tam-Luận-Tông (三論宗) hay Trung-Luận (中論) (Madhyamika-Sastra), coi công-danh, phú-quí lãnh-đạm. Năm 21 tuổi ông xuất-gia cùng với Đinh-Huệ, theo hầu Lục-Tổ Thiên-Ông. Ngoài giờ hầu-hạ ông học-hỏi quên mỗi. Sau khi Thiên-Ông mất rồi ông mới chuyên tập khoa " Tam-ma-địa " (Samadhi) làm đường tu-luyện riêng, thỉnh-thoảng có nói lên ắt thành Phù-sấm (符讖). "

" Vua Lê-Đại-Hành rất kính-trọng. Năm đầu niên-hiệu Thiên-Phúc (981) tướng nhà Tống là Hầu-Nhân-Bảo sang xâm-lãng, đóng quân ở Cương-Giáp, trấn Lạng-Sơn. Vua triệu hỏi Sư : _ Thắng, bại thế nào. Sư thưa : _ Trong ba bảy ngày giặc tất lui (三七日中賊必退). Sau quả-nhiên đúng ! Đến khi Vua muốn đi đánh Chiêm-Thành, đình-ngự chưa quyết-định, Sư tâu xin phát quân đi gấp, khỏi thất mất cơ-hội tốt. Sau quả-nhiên thắng trận .

" Bấy giờ thường có kẻ gian tên là Đỗ-Ngân (杜銀) muốn mưu hại Sư. Sư đã dự-tính biết trước, khi y hành-động bèn gửi cho y một bài kệ rằng :

土 木 相 生 銀 與 金
為 何 謀 我 蘊 靈 襟
當 時 五 口 秋 心 絕
真 至 未 來 不 恨 心

" Thổ mộc tương sinh ngân dữ kim
Vi hà mưu ngã uẩn linh khâm
Đương thời ngũ khẩu thu tâm tuyệt
Chân chí vị lai bất hận tâm " .

" Nghĩa là : (Chữ Thổ (土) với chữ Mộc (木) cùng với chất bạc với hành Kim (金) đều là hành tương sinh nhau: " Mộc sinh Hỏa, Thổ, Kim, Thủy" (木生火土土生金生水) ; " Mộc khắc Kim, Hỏa, Thủy, Thổ ". (木克金 - 火 - 水 - 土).

Cớ sao mi hại ta giấu ở trong lòng
Lúc này lòng ta rất lầy làm buồn
Thật đến sau này lòng ta không oán giận nữa) .

" Đại khái ông có tài độn-số như thế, xem điều đã qua mà biết trước (先知鑒往鑒).

" Bấy giờ Vua Ngọa-triều bạo-ngược, Trời, người chán ghét. Lý-Thái-Tổ bấy giờ còn làm thần-vệ, về sau mới nối ngôi. Trong khoảng thời-gian giao-thời ấy điềm gở, điềm lành đều hiện ra, như ở Viện Hàm-Toại, chùa Ứng-Thiên-Tâm ở Châu Cổ-Pháp có con chó trắng ở trên lưng lông kết thành chữ Thiên-tử (天子) = Vua. Sét đánh cây gạo in thành chữ, ngôi mộ Hiên-Thánh Đại-Vương bốn phía đến đêm nghe có tiếng đọc thơ, cây đa chùa Song-Lâm sâu ăn vỏ cây vết hiện ra chữ Quốc (國), đại-khái có những sự như thế. Sư tùy sự trông thấy, nghe được mà phân-tích ra ý-nghĩa thường đúng

với điều họ Lê tàn, Lý thịnh. Vì thế nên ngày Lý-Thái-Tổ lên ngôi Vua thay nhà Lê, sư ở tại chùa Lục-Tổ đã biết trước mà bảo với hai ông anh, em ngài rằng :

" _ Thiên-Tử thăng-hà, Lý Thần-vệ hiện đương túc-trực ở trong thành, chỉ trong vài ngày nữa Thần-vệ tất được thiên-hạ " .

" Ông nói thế rồi yết bảng thông-cáo ở đường cái bốn câu thơ như sau :

疾 藜 沉 北 水
李 子 樹 南 元
四 方 戈 干 靜
八 表 賀 平 安

*" Tật Lê trầm Bắc thủy
Lý tử thụ Nam Thiên
Tứ phương qua can tĩnh
Bát biểu hạ bình yên " .*

" Nghĩa là (Nhà Lê hết vận như có " Tật Lê chìm bể Bắc"
Hạt giống cây Lý (mạn) mọc lên ở trời Nam
Bốn phương binh đao lặng
Tám cõi mừng thái-bình) .

" Hai Vương nghe nói sợ lắm, cho người đi dò tin-tức, quả đúng như lời .

" Đến ngày rằm tháng 5, năm thứ 9 hiệu Thuận-Thiên (1018)
Sư không bệnh, thuyết bài kệ :

身 如 電 影 有 還 無
萬 木 春 榮 秋 又 枯
任 運 盛 衰 無 怖 畏
盛 衰 如 露 草 頭 鋪

*" Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô*

*Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô "*

" Nghĩa là : (Thân người ta như chớp bóng có rồi không
Khác gì cây cỏ mùa xuân tốt mùa thu lại tàn
Theo vận hành vũ-trụ lúc thịnh lúc suy không sợ hãi gì cả
Thịnh với suy chẳng qua như hạt sương đọng trên ngọn cỏ)

" Rồi Sư lại chỉ cho đệ-tử rằng :

汝等要往何處？我不以所住而住
不依無住而住

" Như đảng yếu vãng hà xứ ? Ngã bất dĩ sở trụ nhi trụ,
bất y vô trụ nhi trụ "

" Nghĩa là : (Các người đòi đi đến đâu ? Ta không lấy chỗ có trụ để
trụ ở đây, không nương dựa vào chỗ không có trụ để mà
trụ ở đây !) .

" Nói xong một lát thì mất. Vua, quan làm lễ hỏa-thiêu, lượm
cốt dựng tháp để thờ phụng . "

_ (Đại-Nam Thiên-Uyển Truyền-đăng Tập-Lục)

Theo như trên đây thì nội-dung tư-tưởng của Vạn-Hạnh không phải
thuần-túy Phật-giáo như người ta thường hiểu, tư-tưởng ấy trà-trộn cả
Phật-giáo lẫn pháp-thuật, tuy trong sách nói ông quán cả ba môn học là
Không, Lão, Phật. Có chăng ông đã thông Dịch-học Tượng-số, Ngũ-hành
và Phong-thủy địa-lý mà ông đã dung-hợp với Thiên-học bằng thực-
nghiệm tâm-linh Tam-ma-địa (Samadhi) .

Tam-ma-địa là dịch âm chữ Phạn (Sanscrit là Samadhi) là một quá-
trình thực-nghiệm nội tâm nhằm mục-đích tập-hợp năng-lực tinh-thần
không cho phát tán vọng động. Nó gồm những trình-tự như sau :

- " 1/_ *Chánh định* (正定) ở đây tinh-thần tập-trung, không vọng-động .
- " 2/_ *Chánh thụ* (正受) cảm-giác ngay-ngắn vào đối-tượng chiêm-ngưỡng .
- " 3/_ *Chánh tâm hành xứ* (正心行處) là điều-kiện đạt được khi nào giữ được cảm-xúc của tinh-thần tập-trung và điều-hòa với đối-tượng .
- " 4/_ *Tức lự ngưng tâm* (息慮凝心) hết dăng-trí mà hoàn-toàn định-chỉ .
- " 5/_ *Đẳng trì* (等持) tinh-thần giữ được quân-bình.
- " 6/_ *Sa-ma-tha* hay là *Chỉ tức* (止息) = ngưng thở .

" Đây là công việc tập-trung tinh-thần vào một đối-tượng, mục-đích giải-thoát lên bình-diện vô-điều-kiện, không còn hệ-lụy vào sự đời, dục-vọng, tái-sinh. Tinh-thần tự trừu-tượng-hóa mãi cho đến siêu-thần nhập-hóa (extase). Trạng-thái thần-hóa cao nhất của Phật-giáo là Tam-ma-địa. Nhà Thiền-học tin rằng với phương-pháp "*Tông trì Tam-ma-địa*" ấy, khi nào tinh-thần đi đến "*Tư chuyên*" (思專) thì ý-chí hết phân-hóa "*Chí nhất bất phân*" (志一分), khi nào tư-tưởng nghỉ hoạt-động "*Tưởng tịch*" (想寂) thì khí-chất thăng-hoa và tâm-linh được khai-phóng "*Khí hư thần lãng*" (氣虛神朗) trong đó khả-năng hiểu-biết phát-triển vô cùng, không có điều thần-bí gì không chứng được nữa ."

_ (W.E. Soothiel : " Hán Anh Phật-Học Đại Tự-Điển ")

Trọng-tâm của pháp-thuật là thực-tại vật-linh. Vũ-trụ này là một vũ-trụ sinh-động, tất cả hiện-hữu đều thấm-nhuần một nguồn sinh-khí linh-động, lưu-hành khắp cả "*Chu lưu lục hư*" (周流六虛). Cái sinh-lực ấy là sinh-lực duy-nhất điều-động thế-giới, coi như một cơ-thể từ vật-chất đến con người, hết thấy đều mật-thiết tương-quan với nhau, thông-cảm với

nhau như cùng chung một bầu tình yêu làm nguyên-lý linh-động, một linh-hồn hồn-nhiên thuần-nhất. Pháp-thuật không thể rời bỏ được cái quan-niệm Vật-linh, trong đó sự-vật " *Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*" (*Dịch thượng kiền*) (同聲相應 同氣相求 -(易上乾)). Tìm ứng-dụng cái định-luật ấy vào đây là đặc-tính của pháp-thuật. Và pháp-thuật là một hình-thức kỹ-thuật của thần-bí tâm-linh vậy .

Thần-bí tâm-linh hay tâm-linh thực-nghiệm là một loại ý-thức đặc-biệt, không có chi giống với cái ý-thức thông-thường hàng ngày của chúng ta. Có con sâu có thể tri-giác được ngoài màu tím (tử ngoại = ultraviolet) hay ngoài màu đỏ (xích ngoại = ultra-rouge) hay động-vật có thể nghe thấy thanh-âm mà ta không nghe thấy được, hoặc một thứ động-vật có thứ giác-quan thù sáu khác hẳn với năm giác-quan của chúng ta. Đây là những cảm-giác thuộc về loại khác với loại cảm-giác chúng ta thường có. Nhưng ý-thức tâm-linh thần-bí ấy tuyệt-nhiên không có cảm-giác, tình-tự hay ý-nghĩ, tư-tưởng chi hết, hoàn-toàn ở ngoài ý-thức cảm-nghĩ (sensori-intellectuel). Bởi thế mà các nhà thần-bí xưa nay luôn luôn bảo là những kinh-nghiệm của họ " *Bất khả tư nghị* " (不可思議), nghĩa là không thể suy-luận gì được. Tài-liệu cổ nhất tả về cái kinh-nghiệm ấy như sau :

" Siêu cảm-giác, siêu tri-thức, siêu tất cả các cách mô-tả. Đây là ý-thức đồng-nhất thuần-túy ý-thức về thế-giới và về đa-nguyên hoàn-toàn biến mất. Đây là Yên-lặng Vô-tả. Đây là Chí-thiện. Đây là Nhất phi nhị. Đây là Tự-tại ."
_ (Mandukya Upanisad)

Chúng ta thấy mở đầu phủ-định kinh-nghiệm giác-quan, phủ-định hình-danh sắc-tướng, tức là vượt quá ý-thức danh-lý cảm-nghĩ (sensori - intellectuel), còn lại là một trạng-thái nhất-quán thuần-túy của ý-thức. Vậy trọng-tâm của kinh-nghiệm hay ý-thức tâm-linh được nói đến như là một tâm-trạng thuần-nhất bất-phân, đồng-nhất-tính không còn nội, ngoại chi hết. Đây chính là đặc-trung của tâm-linh thần-bí và cũng là đặc-trung cho tinh-thần pháp-thuật, tin vào một sinh-lực linh-động duy-nhất biểu-hiện

thiên-hình vạn-tượng là thế-giới, và pháp-thuật hành-động với cái ý-thức ấy để sử-dụng quyền-năng cho mình. Pháp-thuật, tín-ngưỡng thần-bí, tôn-giáo, khoa-học, kỹ-thuật, triết-học, chẳng nhiều thì ít vẫn quan-hệ mật-thiết với nhau .

" Tôn-giáo, như Maurice Pradine mở đầu cuốn " Esprit de la Religion = Tinh-thần của Tôn-giáo " _ (ed. Montaigne _ Paris), mà không ai từng giới-thuyết như là một triết-học hay là một đạo-đức-học, hay là một pháp-thuật, hay là một khoa-học, nhưng không từng phân-biệt với các môn khoa ấy : nó luôn luôn là giáo-lý đến mức có tính-chất triết-học ; nó có những mệnh-lệnh giống với mệnh-lệnh đạo-đức, đôi khi lẫn lộn với nhau ; nó có những nghi-lễ và thờ-cúng có khả-năng hành-động đến mức bằng chính năng-lực của mình, nghĩa là bằng cách pháp-thuật ; nó cho ta một ý-niệm về những bí-quyết nhất của Tạo-hóa mà ở nhiều tinh-thần nó còn cạnh-tranh với khoa-học về điều ấy ; và nó không thể không tạo ra những hiệu-quả tự-nhiên bằng phương-tiện khác với phương-tiện khoa-học ; như thế thì nó là một khoa-học vừa lý-thuyết vừa thực-hành theo cách riêng của nó. Người ta không thể chối cãi rằng trong tôn-giáo có ít nhiều triết-học, đạo-đức-học, pháp-thuật và khoa-học " .

_ (tr. 6)

Bởi thế không còn chi lạ mà thấy ở Vạn-Hạnh cái tinh-thần Phật-giáo phong-phú, đem triết-học " Trung-Luận " kết-hợp với " Phù-Sâm " trên cơ-sở thực-nghiệm tâm-linh Tam-ma-địa. Và cái tư-tưởng tổng-hợp đã biểu-lộ rất minh-bạch rõ-rệt ở bài kệ và câu tuyên-bố cuối cùng về giáo-lý cho đệ-tử :

我不以所住而住,不依無住而住

" Ngã bất dĩ sở trụ nhi trụ, bất y vô trụ nhi trụ "

Câu nói hàm-xúc ấy có nghĩa là : _Ta không để cho tinh-thần ta ngừng lại vào một điểm nào trong điều-kiện thời-gian, không-gian cả, tức là không khẳng-định cái thực-tại tâm-linh tuyệt-đối. Ta cũng không để cho

tinh-thần nương vào cái không điều-kiện mà ngừng định, tức là không phủ-định cái tâm-linh tuyệt-đối ấy. Cái ý-thức biện-chứng cứ phải biện-chứng mà tiến tới hoà, vượt lên trên cả khẳng-định (affirmation) lẫn phủ-định (négation) về cái thực-tại tuyệt-đối. Ta chỉ phải thực-hiện quá độ chừng nào chỉ còn là Như Như (Tathagata), như thế hay là Chân-Như (真如). Nghĩa là chừng nào tinh-thần ta không còn hoạt-động trong vòng suy-tưởng Có, Không tương-đối nữa, mà hợp-nhất cái Ngã với cái Phi-Ngã (le moi et le non-moi), đồng thời vượt lên trên, vào cái Đạo hợp cả Ngoại Nội "*Hợp ngoại nội chi đạo*" (*Trung Dung*) (合外內之道 - 中庸) nghĩa là "*Nhậm-vận*" (任運) hay "*Suất tính*" (率性) = nương vào bản-tính hay là noi theo bản-tính :

*" Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân sinh thu hựu khô;
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô . "*

Nhậm-vận chẳng phải phó mặc một cách bất-lực cho

*" Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm "
_ (Ôn-Như)*

một cách yếm-thê, mà là (任運盛衰無怖畏) "*Nhậm vận thịnh suy vô bố úy*", theo vận-hành tự-nhiên, nhi nhiên, không còn sợ-hãi, khủng-hoảng, lo-lắng, tính-toán, bồn-chồn trong lòng nữa, vì có đức tin kim-cương, sắt đá vào cái Y-Lực tuyệt-đối "*Như thế, như thế*" (如是如是), không sống không chết, tuần-hoàn bất-tuyệt. Cái Y-lực sinh-thành ấy thông-suốt cả ba cõi sinh-lý, tâm-lý và tâm-linh, là cái điểm Sát-na hiện-tại vĩnh-cửu, cho nên Lý-Nhân-Tông nhận-định rất chính-xác là "*Vạn-Hạnh dung tam tế*" (萬行融三際). Và nhà chép sử bảo cái học của Sư

" *Quán tam học* " (貫三學) tức là gồm cả Tam-giáo : Nho - Đạo - Thích hay Khổng - Lão - Phật, nhưng đây là bước đầu của khuynh-hướng Tam-giáo thiên-trọng về mặt Lý-số siêu-hình lấy ở Kinh Dịch (易經) hợp với Đại-thừa (Mahayana), đồng nhất Thời-Không = Sinh-sinh = Dịch với Chân-Không, vì đã " *dung tam tế* " thì không còn phân ra quá-khứ, hiện-tại và tương-lai nữa, chỉ còn cái tâm miên-tục (continuum espace temps). Cái ấy Nhất-quán của Trời - Đất - Người, tức là Vũ-trụ Thời-Không. Do đây mà bảo là " *Quán tam học* " " *Nho-Đạo-Thích* " cũng có lý vì Nho đại-diện cho cái học Nhân-sinh (người) ; Đạo đại-diện cho cái học về Thiên-nhiên, tức là Trời, Đất ; còn Phật là cái học Thuần-túy Tâm-linh, chính là cái Tâm miên-tục .

LÃO-HỌC VỚI THIỀN-HỌC

Vũ-trụ-quan Dịch là quan-niệm chung cho cả hai dòng tư-tưởng cổ-truyền Á-Đông, dòng Lão-học do Lão-Trang đại-biểu và dòng Nho-học do Khổng, Mạnh đại-biểu, mỗi dòng có một khuynh-hướng riêng, hầu như trái nghịch. Phổ-thông gọi là khuynh-hướng xuất-thế và khuynh-hướng nhập-thế. Xuất hay nhập bắt đầu là hai thái-độ sống, thái-độ quay lưng lại nhân-quần xã-hội để trở về sống với thiên-nhiên, và thái-độ đi vào nhân-sinh thực-tế để tìm hạnh-phúc cho đời sống cộng-đồng. Cả hai đều từ quan-điểm Dịch mà phát-xuất cho nên có hai lối nhìn thế-giới khác nhau .

Vấn-đề ở đây là khảo-xét xem sự quan-hệ của Lão-học đối với Phật-giáo Việt-Nam ở phái Thiền-học từ buổi đầu thế nào, như trên đây đã trình-bày về Dịch-pháp với Thiền-học .

Thiền-sư Việt-Nam có khuynh-hướng Lão-Trang rất nhiều như Đạo-Hạnh, Khổng-Lộ, Giác-Hải, Trí-Thiền, Tĩnh-Giới, Đạo-Huệ, Viên-Chiếu, Mãn-Giác, Thiền-Lão, Chân-Không v.v.... Tựu-trung có thể nhận thấy hai khuynh-hướng ở các vị Thiền-sư chịu ảnh-hưởng Lão-học ấy : khuynh-hướng thần-thông hay ma-thuật và khuynh-hướng nghệ-thuật. Cả hai tinh-thần ấy đều chịu ảnh-hưởng của Lão-học và Thiền-học, nếu không phải là bắt nguồn tự ở đây. Cho nên muốn hiểu tinh-thần nghệ-thuật hay tinh-thần ma-thuật của các vị Thiền-sư ấy cần trước hết phải hiểu về Lão-học ở chỗ quan-hệ với Phật-giáo Thiền-tông .

Quan-Điểm Lão-Trang Đối Với Dịch .

Đứng trong trào-lưu biến-dịch của thế-giới, Lão-Tử trong " Đạo-Đức Kinh " không để ý đến sự-vật cá-biệt đặc-thù, hiện ra lại biến đi như bóng vang như chớp loáng. Ông đi tìm đến cái điều-lý hành-động trong tất cả sự-vật ở vũ-trụ, nội-giới cũng như ngoại-giới, nghĩa là chính cái Dịch ấy mà ông gọi là Đạo, vì dịch-biến mà không có đường lối thì thành hỗn-độn,

không thể hiểu được, như ta thấy Kinh Dịch giả-định là vũ-trụ Dịch có một đầu mỗi bao-trùm nhất-quán là Thái-cực (太極). Rồi cái đầu mỗi Thái-cực ấy tự trong phân-hóa thành 2 , thành 4 , thành 8 Và cách-thức phân-hóa ấy chỉ có một lần ẩn một lần hiện, một lần Âm một lần Dương gọi là Đạo (一陰一陽之謂道-繫辭, "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo - Hệ Từ " Lão-Tử vượt lên trên bình-diện Âm - Dương đến tổng-hợp-thể phong-phú hơn theo biện-chứng đầy đủ của khoa luyện khí .

道生一,一生二,二生三,三生萬物,萬物負
陰而抱陽,沖氣以為和. (四十二章)

" Đạo sinh nhất, Nhất sinh nhị, Nhị sinh tam, Tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi bảo Dương, sung khí dĩ vi hòa " _ (Tứ thập nhị chương)

(Đạo hay điều-lý hành-động ở vũ-trụ bắt đầu khẳng-định có cái Một, cái Một tự phủ-định thành Hai khuynh-hướng mâu-thuẫn đối-đãi, Hai đối-đãi lại tự phủ-định để sinh-thành vượt bậc vào Ba là tổng-hợp thể, tất cả tạo-vật đều có từ cái thể thứ Ba ấy trở đi. Đây là quá-trình sinh-thành của vạn vật do nguyên-lý Đạo ngấm-ngâm triển-khai ở bên trong, nên các vật đều đội nguyên-khí ẩn (Âm) mà ôm nguyên-khí hiện (Dương) là hai khuynh-hướng phân-hóa của nguyên-lý sinh-thành để dung-hòa vào một tổng-hợp-thể là " Hòa " .

" Đạo thường vô danh " (道常無名) vì có trước khi có cái gọi là Trời, Đất, trước khi có người để ý-thức và mệnh-danh. Sở dĩ gọi là Đạo chỉ là miễn-cưỡng đặt tên để gọi cái thực-tại tổng-thể thường-tồn :

有物混成,先天地生,寂兮寥兮,獨立
不改周行而不殆,可以為天下母.
吾不知其名字之曰道. (二十五章)

" hữu vật hỗn thành tiên thiên địa sinh, tịch hê liên hê độc lập bất cải, chu hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo " _ (Nhị thập ngũ chương)

Nghĩa là : (Có một vật chưa thành hình mà thật, sinh ra trước khi có Trời Đất, yên-lặng, vắng-vẻ, không lệ-thuộc, không thay-đổi, tràn-ngập khắp cả mà không sai lạc, có thể lấy làm mẹ đẻ của thế-gian. Ta không biết tên cái Ấy, đặt tên là Đạo) .

Đạo ấy hành-động vào chỗ không giới-hạn vào cái gì ví như " Cái ổ-trục của bánh xe có ba mươi tay hoa mà tác-dụng của xe không phải ở tay hoa, vành bánh mà ở chỗ trống-rỗng nơi ổ-trục " _ (ch. 11)

三十輻共一轂當其無有車之用 (十一章)
" Tam thập phúc cộng nhất cốc nhất cốc, dương kỳ vô hữu xa chi dụng " . _ (Thập nhất chương).

QUAN-NIỆM THIÊN-NHIÊN

Ở THIÊN-HỌC

Nhà Thiên-sư cận-đại Nhật-Bản D.T. Suzuki có cả một thiên sách bàn-luận so-sánh quan-niệm về Thiên-nhiên giữa Tây-phương và Thiên-học. Ông viết :

" Chúng ta hãy ghi-nhận một số ý-niệm trong tinh-thần Tây-phương về Thiên-nhiên (Nature). Trước hết Nature đối-lập với God (Thượng-Đế). Cái gì là Tự-nhiên thì một mặt trái-ngịch với Thiêng-liêng. Nature = Thiên-nhiên hay Tự-nhiên là cái gì hoạt-động trái-ngịch với cái gì thuộc về Thượng-đế, Thần-linh. Theo nghĩa ấy thông-thường người ta hiểu là " Tạo vật " hay là thuộc về " Đất " (Earth). Lại thay, Thượng-đế sáng-tạo ra thế-giới nhưng thế-giới đi nghịch lại với Ngài và Thượng-đế thành ra tranh-đấu với chính sự sáng-tạo của mình .

" Tính-từ Tự-nhiên, ở một nghĩa thì chống-đối với Thần-linh, ở một nghĩa khác lại thích-hợp. Khi người ta dùng Tự-nhiên với ý-nghĩa đối nghịch với tác-vi hay giả-tạo thì nó có cái gì như Thiêng-liêng. Tính trẻ-thơ hồn-nhiên thường được so-sánh với Thần-linh. Đời sống trẻ-thơ có cái gì Thần-linh hơn là đời sống người lớn vì còn gần với Thiên-nhiên. Như vậy thì Thượng-đế không hoàn-toàn vắng mặt ở Thiên-nhiên .

" Khi chúng ta đối-lập Thiên-nhiên với Nhân-loại, bấy giờ ta phóng-đại mặt vật-lý vật-chất của Thiên-nhiên hơn là phương-diện tinh-thần hay là tâm-linh của nó. Thiên-nhiên như thế có hai phương-diện như Nhân-loại quan-niệm. Chừng nào nó là tính tự-nhiên thì nó linh-thiêng. Chừng nào là vật-chất thì nó hành-động trái với tâm-linh hay linh-tính của Nhân-loại. Thiên-nhiên coi như thế-giới vật-chất của giác-quan, chúng ta tri-giác thì nó là cái gì chúng ta phải chinh-phục. Ở đây Thiên-nhiên đối-lập với chúng ta như một thứ quyền-năng, và ở đâu có ý-niệm quyền-năng thì liền có ý-niệm chinh-phục.

Bởi vậy đối với Nhân-loại Thiên-nhiên phải được chinh-phục và sử-dụng cho nhu-cầu vật-chất của Nhân-loại. Thiên-nhiên công-hiến cho người ta nhiều cơ-hội để phát-triển quyền-năng của Nhân-loại, nhưng đồng thời luôn luôn có khuynh-hướng của Nhân-loại khai-thác và lạm-dụng vì mục-đích vị-kỷ .

" Sự lưỡng-lập Nhân-loại - Thiên-nhiên theo tôi nghĩ là nguyên-lai từ Cựu-Uớc Thiên-Chùa giáo, trong đó Đấng Sáng-tạo đã ban cho Nhân-loại quyền-năng để thống-trị tất cả tạo-vật. Chính căn-bản ở sự-tích ấy mà người Tây-phương hay nói về việc chinh-phục Thiên-nhiên. Khi họ phát-mình ra máy-bay thì họ bảo đã chinh-phục được không-gian, khi họ trèo lên đỉnh núi Tuyết-son thì họ tuyên-bố rầm-rĩ rằng họ đã chinh-phục được núi-non. Cái ý-niệm chinh-phục ấy là do sự quan-hệ giữa Nhân-loại và Thiên-nhiên, coi như hai thế-lực, và sự quan-hệ ấy dẫn đến tình-trạng tranh-chấp chống-đối và tiêu-diệt lẫn nhau vậy .

" Cái quan-niệm quyền-năng ấy cũng đề ra vấn-đề hợp-lý với phi-lý. Người, Nhân-loại là hợp-lý, Thiên-nhiên cục-cản thô-lỗ, và Nhân-loại cố uốn-nắn Thiên-nhiên theo ý-niệm hợp-lý của mình. " Lý " nảy sinh cùng với Ý-thức từ trong Vô-thức nguyên-thủy mà ra. Ý-thức khiến Nhân-loại có thể phản-tỉnh về hành-vi của mình và sự xảy ra chung quanh mình. Sự phản-tỉnh ấy mang lại cho nó khả-năng vượt lên trên Thiên-nhiên và đặt Thiên-nhiên dưới quyền kiểm-soát của mình .

" Ở Thiên-nhiên hình như không có phép-tắc và hành-động mù-quáng. Phép-tắc là của Người và giả-tạo ; trong phạm-vi ấy thì hành-vi thiện hay ác hoàn-toàn thuộc về nhân-tính. Thiên-nhiên cũng hành-động nhưng không có dụng ý, vô-vi, vì thế nó bị Nhân-loại chinh-phục, đồng thời nó chinh-phục lại Người. Bởi tuy Người đầy chủ-ý, cuối cùng Họ cũng không hiểu Họ đi về đâu và sự hãnh-diện của Họ rút cục không có thật chất gì hết .

" Khi nào người ta nhìn Thiên-nhiên trong nhãn-quang ấy thì nó có vẻ như được giới-định rõ-rệt. Nhưng Thiên-nhiên còn có nhiều điều hơn nữa để nói với chúng ta. Sự thực Thiên-nhiên là một vấn-đề vĩnh-cửu và khi nào nó được giải-quyết thì không những chúng ta

hiểu-biết về Thiên-nhiên mà còn về chính chúng ta nữa. Vấn-đề Thiên-nhiên chính là vấn-đề Nhân-sinh .

" Nhìn ở quan-điểm Nhân-loại, cái gì không bắt nguồn từ Nhân-loại thì có thể nói là thuộc về Thiên-nhiên. Nhưng Nhân-loại cứu-cánh là thành-phần của Thiên-nhiên. Trước hết Nhân-loại không phải là Nhân-tạo mà là Thiên-tạo. Không có cái ở tại Nhân-loại mà không thuộc về Thiên-nhiên. Tất cả sự-vật Nhân-tạo phải coi như là Thiên-tạo. Nếu Thượng-đế sáng-tạo ra thế-giới, thì Ngài đã sáng-tạo ra loài người như là thành-phần của thế-giới. Ngài không sáng-tạo loài người như là cái gì riêng-biệt với Thiên-nhiên, để cho loài người đứng ra ngoài Thiên-nhiên như một năng-lực kiểm-soát và để cho có những vật Nhân-tạo đối-lập với những vật Thiên-tạo .

" Nhưng ở trong quan-điểm của Cựu-Uớc Thiên-Chúa thì nhân-loại đã được Thượng-đế sáng-tạo theo hình-ảnh của Ngài, và Thiên-nhiên là để cho Nhân-loại ngự-trị. Cái tư-tưởng ấy thực đã là khởi-điểm cho tấn bi-kịch của Nhân-loại. Không biết cái chủ-trương chinh-phục ngự-trị ấy có phải là chính-đáng không. Bởi vì khi nào tư-tưởng quyền-năng ngự-ý thống-trị đã nảy ra thì tất cả các loại đấu-tranh nổi dậy, và vì sự tranh-đấu ấy luôn luôn vị-kỷ, lấy mình là trung-tâm thì hậu-quả thật là bi-kịch .

" Người Tây-phương vô-tình đã nuôi cái tư-tưởng rằng Nhân-loại phải ngự-trị kiểm-soát tất cả Thiên-nhiên tạo-hóa, và thái-độ tinh-thần của họ đối với Thiên-nhiên cũng theo đây quyết-định. Nhân-loại tuy được sáng-tạo như hình-ảnh của Thượng-đế mà đường lối hành-vi lại khác không phải giống như đường lối của Thượng-đế. Vì thế mà đã bị đuổi ra khỏi vườn " Eden " Thiên-đường. Từ đây nó là đứa con nừa Tiên, nừa Quỷ, và hành-vi của nó thường xung-đột hay nghịch với mệnh Trời, có khi nghịch cả với chính quyền-lợi của mình. Thiên-nhiên tạo-vật cũng thế, hành-động nghịch lại Thượng-đế .

" Nhân-loại nghịch với Thượng-đế .

" Thiên-nhiên nghịch với Thượng-đế .

" Nhân-loại và Thiên-nhiên đối-nghịch lẫn nhau .

" Như thế thì chính hình-ảnh của Thượng-đế là Nhân-loại, chính tác-phẩm của Thượng-đế là Thiên-nhiên và Thượng-đế nữa, tất cả ba tranh-đấu với nhau. Nhưng theo tư-tưởng Nhân-loại thì Thượng-đế không phải sáng-tạo ra thế-giới chỉ cốt để thấy nó cách-mệnh lại mình và để cho nó tự tranh-đấu với nó .

" Tuy nhiên, nhìn ở quan-điểm khác, bản-tính sự-vật là hễ bắt đầu có một thế-giới đa-thù thì liền có ngay xung-đột. Khi nào thế-giới thoát khỏi bàn tay Thượng-đế thì Ngài hết kiểm-soát được nó, bấy giờ chắc-chắn sẽ nổi lên cách-mệnh và tranh-đấu mọi cách. Bởi thế mà chúng ta thấy hiện nay Thiên-nhiên chống với Thượng-đế và Nhân-loại chống với Thiên-nhiên cùng Thượng-đế .

" Theo luận-điệu Cựu-Uớc Cơ-Đốc thì Thiên-nhiên là xác thịt, là nhục-dục, là tội-lỗi của xác-thịt. Điều ấy dẫn đến sự tranh-đấu giữa Thiên-nhiên và Nhân-loại, đến trình-độ cụ-thể và vật-dục hơn Thân-thể Nhân-loại, nửa Tiên nửa Quỷ, vừa Thượng-đế vừa Thiên-nhiên, biến thành một trường huyết-chiến giữa hai thế-lực trên . "

Chúng ta có thể toát-yếu thái-độ Tây-phương đối với Thiên- nhiên như sau, theo Suzuki :

" 1/_ Thiên-nhiên là cái gì có ác-cảm với Nhân-loại và kéo Nhân-loại xuống khi nó đang muốn phấn-đấu để vươn lên Thượng-đế. Sự cảm-giỗ của Thiên-nhiên tượng-trung là xác-thịt thì thường khó cưỡng lại được khiến người ta hay tuyên-bổ : “ Tinh-thần có thiện-chí nhưng xác-thịt nhu-nhược ! ”

" 2/_ Trong khi Thượng-đế và Thiên-nhiên tranh-đấu lẫn nhau, Thiên-nhiên và Nhân-loại cũng ở vào tình-trạng đấu-tranh. Hay là theo mệnh Trời, Người luôn luôn cố chinh-phục Thiên-nhiên để ngự-trị .

" 3/_ Không có lỗi cho Nhân-loại tiếp-cận Thiên-nhiên cách thân-mật. Bên này hành-động phá-hoại bên kia. Không có gì ở Thiên-nhiên có thể giúp Nhân-loại tiến-triển về tinh-thần .

" 4/_ Thiên-nhiên là thế-giới vật-chất, và thế-giới vật-chất là phương-tiện thâm-hiểm và trục-lợi.

" 5/_ Về mặt khác thế-giới vật-chất là thực-kiện chất-phác cho nó hơn là tự nó (pour soi, en soi). Trí-thức không có thể làm gì được với nó, chỉ phải coi nó như thể để lợi-dụng được chừng nào hay chừng nấy .

" 6/_ Sự lưỡng-nguyên ly-khai Nhân và Thiên ngụ có sự thù-địch đố-ky, có thể bất cộng đái thiên, bởi thế mà hủy-hoại lẫn nhau .

" 7/_ Không có một ý-niệm nào ở đây có vẻ tỏ ra hay là gọi lên sự tham-gia của Nhân-loại vào Thiên-nhiên, hay là đồng-nhất với Thiên-nhiên. Đối với tinh-thần Tây-phương, Thiên-nhiên với Nhân-loại cách-biệt hẳn nhau .

" Nhưng sự-thực thì Nhân-loại nương cậy vào Thiên-nhiên để có thức ăn, và không tránh được ảnh-hưởng của Thiên-nhiên. Nó phải dẫn thân vào để trồng cấy, săn, câu v.v..... và mỗi công việc dẫn thân đều có ảnh-hưởng vào tinh-thần vào tính-tình nó vì Thiên-nhiên không cho phép người ta quan-niệm như là một vật thụ-động để cho Người hành-động. Thiên-nhiên cũng là một năng-lực và khí-lực. Nó phản-ứng lại tiếng gọi của Nhân-loại. Khi nào Nhân-loại vui-vẻ và thích-ứng với đường-lối Thiên-nhiên thì Thiên-nhiên hợp-tác với Nhân-loại và biểu-lộ cho nó tất cả bí-quyết của mình, và cả đến giúp cho Nhân-loại để tự hiểu lấy mình nữa. Mỗi người chúng ta, hoặc là người làm ruộng, hoặc là người đi săn hay là người thợ mộc, chúng ta đều lấy ở Thiên-nhiên vật-liệu mà trồng đờn và thâu-hóa lấy vật ấy vào chính phạm-vi của ta. Như thế thì Thiên-nhiên tự uốn theo tinh-thần Nhân-loại .

" Coi Thiên-nhiên như cái gì phi-lý và đối-lập với sự hợp-lý của Nhân-loại, đây chỉ là tinh-thần Tây-phương khoa-học. Chúng ta có khi phải lật ngược mệnh-đề lại vì chính Nhân-loại là phi-lý mà Thiên-nhiên hợp lý, Nhân-loại phi-lý khi bắt Thiên-nhiên phải tuân theo ý muốn của mình, bởi vì Thiên-nhiên có đường lối riêng của nó để vận-động, đường-lối của nó không luôn luôn phải là đường-lối của Nhân-loại và Nhân-loại không có quyền bắt nó theo đường lối của mình .

" Sự thực Thiên-nhiên không có ý-thức. Nó chính là cây sậy và không phải là cây sậy biết suy-tư. Vì thiếu ý-thức như thế nên nó bị Người coi nó như đồ vô-tri vô-giác, không có ý-chí và trí-tuệ riêng. Nó không biết gì hơn là cái tất-nhiên tuyệt-đối, và không cho phép có sự can-thiệp của Người, trừ phi trên con đường phải thế của nó. Nó không biết thiên-vị và không chịu đi chệch con đường tất-nhiên của nó. Nó không biết nhân-nhượng, chính Nhân-loại phải tự thích-ứng với Thiên-nhiên. Cái tất-nhiên tính của Thiên-nhiên thì tuyệt-đối, và Nhân-loại phải công-nhận. Về phương-diện ấy Thiên-nhiên như có ý-chí linh-thiêng như Thiên-mệnh .

" Vì lý do ấy mà cái gì tự-nhiên hay hồn-nhiên mới có tính-chất hấp-dẫn. Khi một đứa trẻ thơ làm một việc gì mà xã-hội cấm- đoán như không thích-đáng, vô-lễ hay là hỗn-xược thì người ta không những tha-thứ mà còn nhận cho là vô-tình, ngây-thơ. Sự hồn-nhiên có cái gì thiêng-liêng và không bị những ước lệ nhân-văn ngăn cấm. Có cái gì thẳng-thắn và tươi-trẻ trong sự thiếu câu-thức của nhân-văn. Ở đấy ngụ một sự tự-do thiêng-liêng và khả-năng sáng-tạo. Thiên-nhiên không bao giờ có dụng ý tính-toán, nó hành-động bỗng-bột tự trong lòng xuất ra. Về phương-diện này thì Thiên-nhiên là Thần-linh. Tính phi-lý của nó vượt lên trên những nghi-hoặc hàm-hồ của Nhân-loại, và trong sự phục-tòng hay là thừa-nhận chúng ta nó tự vượt lên trên chúng ta .

" Sự công-nhận hay siêu vượt ấy là quyền ưu-tiên hay đặc-quyền của Nhân-loại. Chúng ta thừa-nhận tính phi-lý của Thiên-nhiên hay là cái tất nhiên tính của nó một cách dẫn-đo yên-lặng và hoàn-toàn hoan-hỷ. Đây không phải một thái-độ mù-quáng hay phục-tòng một cách nô-lệ điều gì không thể tránh được. Đây là một sự thừa-nhận tích-cực, một thiện-chí cá-nhân không có chút nào ý-tưởng phản-kháng. Ở đấy không ngụ-ý có sức mạnh, không chút nhẫn-nhục mà là tham-gia, đồng-hóa và ở một vài trường-hợp có cả sự đồng-nhất-hóa nữa .

" Thiên-nhiên nhiều khi bị Tây-phương coi như là cái gì có ở đấy Nhân-loại trong đó hiện ra và họ không thấy phải đối-diện với ác-cảm. Họ ý-thức về một vị-trí trong đó họ bị bao-vây bởi tất cả các

loại vật-chất vô-tri vô-giác. Họ không biết tại sao họ ở tại đây, hay là không hiểu được cái gì đang xảy đến cho họ. Tuy nhiên, được bẩm-thụ có ý-thức, họ nghĩ rằng họ có thể quyết-định vị-lai của họ và cảm thấy hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về quyết-định của mình. Họ tự thấy cô-liêu và bất-lực vì Thiên-nhiên đang đe-dọa họ như sẵn-sàng nuốt chửng họ vào trong lòng Thiên-nhiên. Họ kinh-ngạc và run sợ, không biết nên làm cái gì. Đây là thái-độ theo một số tư-tưởng-gia nhìn khi Nhân-loại đứng đối-diện với Thiên-nhiên. Ở đây không có chỗ cho Thượng-đế, chừng nào quan-niệm lưỡng-tính đối-lập Người, Trời (Nhân-loại Thiên-nhiên) còn được duy-trì và quan-hệ mâu-thuẫn xung-đột còn áp-bức. Thiên-nhiên là sự-kiện man-dã không chút gì cộng-thông với Nhân-loại. Nhân-loại trục-lợi nó về kinh-tế không chút cảm-tình thân-mật, do đấy mà không chút lương-tâm hay cảm-thông đồng-điệu. Ở đây Thiên-nhiên là một lượng-số người ta không biết, không có sự thân-tình và sẵn-sàng làm cho Nhân-loại thất-vọng trong việc cố sức ngự-trị của họ. Thiên-nhiên chỉ hứa-hẹn sự trống-rỗng suông. Bất cứ cái gì Nhân-loại có thể xây-dựng lên thì cưỡng đi đến hủy-hoại. Vì lý-do ấy mà cận-đại người ta luôn luôn bị ròn-rập với cảm-tưởng sợ-hãi, bất ổn và lo-lắng .

" Tuy vậy, cũng còn có một lối khác để nhìn Thiên-nhiên và Nhân-loại. Chừng nào Thiên-nhiên đối-diện Nhân-loại như lưỡng-tính người ta không biết, và Nhân-loại đến với nó trong cái ý-thức xa lạ thì Thiên-nhiên với Nhân-loại không có lối để thông-cảm và cộng-tác với nhau vì chúng xa cách nhau. Nhưng sự thực hiển-nhiên là chính Nhân-loại tự mình gặp-gỡ Thiên-nhiên, như thế đủ chứng-tỏ rằng hai bên không hoàn-toàn cách-biệt xa lạ với nhau. Vậy thì ở phạm-vi này Thiên-nhiên đã tự nói với Nhân-loại rồi, và Nhân-loại ở trình-độ ấy đã hiểu-biết Thiên-nhiên. Nhân-loại không thể bảo là hoàn-toàn khác lạ, bàng-quan với Thiên-nhiên, vốn có quan-hệ với Thiên-nhiên vì đã từ trong Thiên-nhiên mà xuất-hiện. Nhân-loại tóm lại, đối với Thiên-nhiên coi như là một thuộc tính, tức là tính tạo-vật (naturata) vậy . "

THIÊN-NHIÊN TRONG THIÊN-HỌC

TRUYỀN-THỐNG VIỆT-NAM

Tư-tưởng truyền-thống Việt-Nam, bắt đầu là truyền-thống của xã-hội nông-nghiệp mà đặc-trung là các Hội Mùa trong đó nhân-dân nam, nữ biểu-lộ thái-độ sống tập-thể đối với Thiên-nhiên ở phương-diện sinh-hoạt nông-nghiệp. Trong cái cuộc sinh-hoạt nông-nghiệp ấy, vấn-đề thời-tiết là một yếu-tố quyết-định, cho nên các Hội Mùa đánh dấu một vòng sinh-hoạt theo nhịp bốn mùa đi lại, mà ngày Tết Nguyên-đán là ngày Kỷ-niệm chính của một vòng tuần-hoàn .

Tháng Giêng ăn Tết ở nhà
Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội-hè
Tháng Tư trồng đầu, trồng cà
Ăn Tết Đoan-ngọ trở về tháng Năm
Tháng Sáu buôn nhãn bán trăm
Tháng Bảy ngày Rằm xá tội vong nhân
Tháng Tám chơi đèn kéo quân
Trở về tháng Chín chung chân buôn hồng
Tháng Mười buôn bắc bán bông
Trở về Một, Chạp nên công hoàn-thành .
_ (Ca Dao)

Đây là vòng tuần-hoàn của nguồn Sống bất tuyệt đi rồi lại lại, không bao giờ gián-đoạn, ăn nhịp với vòng sinh-hoạt của xã-hội nông-nghiệp. Đây là Thiên-nhiên đối với con người nông-nghiệp, nó thích-ứng điều-hòa với Thiên-nhiên chứ không coi Thiên-nhiên như là đối-địch. Và Thiên-nhiên ấy không chỉ ở tại bên ngoài thân tâm mà chính ở tại thân tâm ngay trong vô-thức từ kinh-nghiệm của trạng-thái ngủ-say đến mộng và thức đều chứng-minh cho tất cả mọi người, mọi cá-nhân thấy được. Nếu đại-chúng nông-dân của văn-minh thảo-mộc cảm thấy có một Nguồn Sống

tuần-hoàn biểu-diễn ra ở Thiên-nhiên qua thời-tiết mà hàng năm chúng kỷ-niệm như là hồi-niệm một dòng Sông vĩnh-cửu vô-biên, thì giới văn-sĩ trí-thức cũng tìm thấy ở trong kinh-nghiệm ngủ-say hay mộng như là trạng-thái hoàn-toàn sung-sướng, an-lạc hết lo phiền sợ hãi .

Thiên-nhiên trong văn-chương Việt-Nam vốn không phải vật-lý vô-tri, vô-giác mà là có hồn linh-thiên như Sông, Núi, Giang-Sơn, đại-biểu tượng-trung cho Tổ-quốc, cho Hồn-nước để nhân-dân chiêm-ngưỡng cảm-thông, trải qua lịch-sử tranh-đấu sống còn của dân-tộc .

此城郭此江山百戰風塵餘尺地

" Thử thành quách, thử giang san bách chiến phong trần dư xích địa

為日星為河嶽十年心事共青天

Vi nhật tinh vi hà nhạc, thập niên tâm sự thử thành thiên "

_(Vĩnh Hoàng-Diệu mộ)

(Thành-quách đây, non sông đây, trăm trận cát tung cao thước đất
Xã tịch-tứ là núi sông, nổi lòng mười năm góp trời xanh) .

Đây là Thiên-nhiên trong truyền-thống tín-giờng Việt-Nam :

(地靈人傑) " Địa linh nhân kiệt "

" Dấu địa linh con Lạc cháu Hồng ! "

_(Phan-Bội-Châu)

Và Thiên-nhiên còn tiêu-biểu cho cái gì Vĩnh-cửu :

" Trăng bao nhiêu tuổi Trăng già,

Núi bao nhiêu tuổi gọi là Núi non ?

Còn Trăng thì Núi vẫn còn . "

_(Ca-dao)

Vì Thiên-nhiên sinh-động " *Sơn thủy hữu tình* " (山水有情) cho nên nó đã trở nên nguồn linh-hứng nghệ-thuật bất-tuyệt của Á-Đông, như lời thơ của Trần-Bích-San (thời Tự-Đức) vịnh đền Hải-Vân có câu cực tả trạng-thái hòa mình vào thiên-nhiên :

草樹半空底日月
乾坤隻眼小塵埃
文非山水無奇氣
人不風霜未老才

" Thảo thụ bán không đê nhật nguyệt .

Kiên khôn chính nhãn tiểu trần ai .

Văn phi sơn thủy vô kỳ khí ,

Nhân bất phong sương vị lão tài . "

Nghĩa là : (Cây cỏ lưng trời, mặt-trời mặt-trăng dưới núi.

Vũ-trụ trong khóm mắt, thế-giới nhỏ bé.

Văn-chương không có sông núi thiếu linh-cảm lạ-kỳ

Người không dãi-dầu chưa phải thực tài lỗi-lạc .)

Trong tâm-hồn người thôn-nữ đại-biểu cho xã-hội nông-nghệp, Sông Núi ngoài hình-ảnh nghệ-thuật còn gợi lên ý-nghĩa sống đối với Núi Sông, với Non Nước, với Tổ-quốc, như khi nàng dừng tay làm cỏ ngoài đồng, ngẩng lên ngắm trời ngắm đất, nhìn núi nhìn sông chung quang, bất giác thốt lên câu hỏi :

" Ai đưa em đến chôn này,

Bên kia là núi bên này là sông ? "

Cái tình Non Nước của nhân-dân Việt-Nam sâu rộng, bền-vững, khăng-khít đến nỗi một thi-nhân uy-tín bình-dân đã làm bài ca " Thề Non Nước " :

" Nước non nặng một lời thề ! "

— (Tần-Đà)

Nhưng trong giới trí-thức Việt-Nam xưa nay thì Sơn Thủy đại-biểu Thiên-nhiên thường gọi lên hình-ảnh của một Thiên-sư, như bài thơ điệu Thiên-sư Quảng-Trí (1091) của Thượng-thư Đoàn-Văn-Khâm có câu :

道侶不須傷永別
院前山水是真形

" Đạo lữ bất tu thương vĩnh biệt,
Viện tiền sơn thủy thị chân hình ."
(Đạo-hữu chớ nên buồn vĩnh-biệt,
Núi Sông trước viện ấy thật Người !)

Sơn Thủy gọi lên chân-hình của Thiên-sư vì rằng Thiên-học là một phương-pháp (Kiến tính 見性) hay là nhìn vào tự-tính của mình, giải-phóng khỏi hệ-lụy phiền-não, phát-triển nội-lực tiền-năng thiên-nhiên để đồng-hóa với Bản-tính Tự-nhiên qua sự chiêm-ngưỡng thiên-nhiên đến ý-thức thần-hóa " Vật ngã câu vong " (物我俱亡) _ (Trang-Tử) :

人法地 地法天, 天法道 道法
自然 _ (老子)

" Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự-nhiên " . _ (Lão-Tử)
(Người khuôn theo Đất, Đất khuôn theo Trời, Trời khuôn theo Đạo-lý, Đạo-lý theo Tuyệt-đối.)

Như thế thì Thiên-nhiên là hình-ảnh của thực-tại tuyệt-đối, là biểu-hiện của Tâm Thiên Địa mà nhân-thân là tiểu thiên-địa vậy. Bởi thế mà chiêm-ngưỡng Thiên-nhiên là thực-hiện trạng-thái tinh-thần nối cái tâm cá-nhân với Ý-thức vũ-trụ .

" Có thì có tự may may,
Không thì cả thế-gian này là không.
Kià xem bóng nguyệt lòng sông
Xin ai chớ tưởng Sắc Không, không mà ! "
_ (Từ Đạo-Hạnh)

作 有 沙 塵 有
為 空 一 切 空
有 空 如 水 月
勿 著 有 空 空
(徐道行)

" Tác hữu sa trần hữu,
Vi không nhất thiết không.
Hữu không như Thủy Nguyệt
Vật trước hữu không không ! "
(Từ-Đạo-Hạnh)

Hay là :

(Vũ-trụ bao-hàm trong hạt cải
Kiền khôn tất cả trên đầu lông) .

乾 坤 盡 是 毛 頭 上
日 月 包 含 芥 子 中
(慶喜)

" Kiền khôn tận thị mao đầu thượng
Nhật Nguyệt bao hàm giới tử trung "
(Khánh-Hỷ)

Như Marcel Granet đã dịch cái nguyên-lý ấy ra Pháp-văn :

" Toute réalité en soi, est totale.
Tous dans l'univers est comme l'univers ."
(Tất cả thực-tại tự-thân là toàn-thể.
Tất cả trong vũ-trụ cũng như là vũ-trụ) .

Thánh Thérèse de Jésus cũng viết như một Thiên-sư :

" La vue de la campagne, de l'eau, des fleurs est aussi pour moi
un secours. Dans ces objets créés, je voyais les vestiges du Créateur.
Ils me portaient à la ferveur, au recueillement, ils me servaient de
livres " .

" Cảnh đông-quê, nước, hoa đối với tôi cũng là một trợ-lực cứu-độ. Trong những tạo-vật ấy tôi thấy di-tích của Đấng Tạo-hóa. Chúng đem cho tôi hạo khí, dẫn vào mạc-niệm trầm-tư. Chúng là Kinh sách của tôi ."

_ (" Esthétique et Mystique ", par Michel Floris one)

Và :

" Mon Aimé, les montagnes,
Les vallons solitaires, ombreux
Les îles lointaines,
Les fleuves tumultueux,
Le sifflement des vents amoureux ."

" Người yêu của tôi, những ngọn núi,
Những thung-lũng vắng-vẻ, um-tùm,
Những cù-lao xa xa,
Những giòng sông cuộn cuộn,
Những tiếng rít của luồng gió đa-tình ."

_ (" Poésie et Vie Mystique Chez Saint Jean de la Croix ", par
Max Milner _ ed. Du Seuil _ Paris)

Thiền-sư Việt-Nam chiêm-ngưỡng Thiên-nhiên như để cảm-thông với điều-lý vận-hành thời-tiết của Ý-sống đại-đồng, " *Kiên khôn nhất sinh ý* " (乾坤一生意) (Một Ý-sống vũ-trụ), tuần-hoàn bất-tuyệt, " *Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàng* " (春生夏長秋歛冬藏). Và Thiền-sư Vạn-Hạnh đã hợp-nhất tâm mình vào cái Ý-sống ấy mà *liêu sinh tử* hết phiền-muộn và lo-âu :

身如電影有還無
萬木春榮秋又枯
任運盛衰無怖畏
盛衰如露草頭鋪

" Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân sinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô ".
(Thân người chớp nhoáng có rồi không,
Cây cỏ xuân tươi, héo thu đông ;
Theo vận tuần hoàn lo chi hết,
Vượng suy ngọn cỏ hạt sương trong) .

Cứu-cánh của Sinh-tồn là Sống Vĩnh-cửu, *liêu sinh tử* mà thời-tiết thiên-nhiên biểu-thị cụ-thể trước mắt chúng-sinh để ta chiêm-ngưỡng cho đến trạng-thái : (對境無心莫問禪) " Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền " _ (Trần-Nhân-Tông) .

Đến đây thì Tâm cá-nhân hợp vào với Tâm Đạo, với (天地之心) " Thiên địa chi tâm " (Tâm Trời Đất) tức là Ý-thức Vũ-trụ (Conscience cosmique). Và cái Ý-thức Vũ-trụ ấy bản lai ở tại trong Ý-thức cá-nhân, bị cái ý-thức mê-vọng vô-minh (Avidya) che phủ nên thế-giới mới hiện ra như tuồng ảo-hóa (Maya), cho nên Điều-Ngự Giác-Hoàng, Đệ Nhất Tổ Trúc-Lâm An-Tử mới cảnh-cáo các Thiền-sư chớ nên tìm chân-lý ở bên ngoài ngoại-cảnh, mà chính là phải giác-ngộ nơi tâm mình đến độ vô-tâm:

家中月宝 休尋覓
對境無心莫問禪
" Gia trung hữu bảo hựu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền " .
_ (Trần-Nhân-Tông)

Chính cái Vô-tâm ấy, cái Ý-thức Vũ-trụ ấy mà Trần-Thái-Tông đã được Thiên-nhiên gọi lên cho :

流水下山非有意
白雲出岫本無心

" Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý
Bạch vân xuất tự bản vô tâm ".
(Nước chảy xuống khe không dụng ý
Mây trắng đùn lên vốn vô tâm) .

Và nhà Vua tuy ngồi trong cung-diện mà lòng thường mơ tưởng đời
sống Thiên trong cảnh thiên-nhiên :

風打松閑月照庭
心期風景共淒清
箇中滋味無人識
付與山僧賞到明
_ (寄清風庵僧德山)

" Phong đả tùng quan nguyệt chiếu đình,
Tâm kỳ phong cảnh cộng thê thanh ;
Cá trung tư vị vô nhân thức,
Phó dữ sơn tăng thưởng đáo minh . "
(Gió giật hàng thông, trăng đầy sân,
Hẹn lòng phong cảnh hợp thanh tân ;
Bên trong đạo vị nào ai biết,
Để một sơn tăng sạch lòng trần .)
_ (Gửi nhà Sư Đức-Sơn, am Thanh-Phong)

Với Vua Trần-Nhân-Tông, thì thú suối rừng đạt được là thành đạo
Thiên, như Ngài đã ca :

(得趣林泉成道) " Đắc thú lâm tuyền thành đạo " :

" Sinh có nhân thân, ấy là hoa cả,
Ai hay cóc được, mời rằng là đã
Câu này là ngâm, ta là xá ta !
Đắc ý trong lòng, cười riêng ha ha .
Công danh chẳng trọng, phú quý chẳng màng,

Tần, Hán xưa kia, xem đã nhàn hạ .
 An bề phận khó, kiếm chốn dưỡng thân,
 Khuất tịch non cao, nấu mình sơn dã .
 Vượt mừng hủ-hỷ làm bạn cùng ta,
 Vắng vẻ non kia, thân lòng hỷ xả .
 Thanh nhàn vô sự quyết tước đài hoa,
 Thờ phụng Bụt Trời, đêm ngày hương hỏa .
 Tụng kinh niệm Bụt, chúc Thánh khấn cầu,
 Tam Hữu, Tứ Ân, ta nguyện được cả .
 Niệm lòng vắng vặc, giác tính quang quang,
 Chẳng còn bỉ, thử, tranh nhân chấp ngã .
 Trần duyên rũ hết, thị-phi chẳng hề,
 Luyện một tấm lòng, đêm ngày đôn đả .
 Ngồi trong trần-thế, chẳng quản sự đời,
 Vắng vẻ ngàn kia, dầu lòng thông thả .
 Học đòi chư Phật, cho được viên thành,
 Xương khúc Vô sinh, an Thiền tiêu sái .
 Ai ai xá cốc, bằng ảo chiêm bao,
 Xảy tỉnh giấc hòe, châu rơi lã chã .
 Cốc hay thân ảo, chẳng khác phù vân,
 Vạn sự giai không, tựa đường bọt bã .
 Dem mình nấu đến, cảnh vắng ngàn kia,
 Độc chí tu hành (紙 繡 紉 托).
 Lành người chẳng giữ, dữ người chẳng hay,
 Ngậm miệng đắp tai, hề gì phúc cả .
 An thân lập mệnh, thời-tiết nhân duyên,
 Cắt thịt phân cho, dầu la chim cá .
 Thân này chẳng quản, bữa đói bữa no,
 Địa, Thủy, Hỏa, Phong, dầu là biến hóa .
 Pháp thân thường trụ, phổ mãn thái hư,
 Hiện hách mục tiền viên dung lỏa lỏa .
 Thiền tông chỉ thị, mục cử đạo tồn,
 Không cốc truyền thanh, âm hưởng ứng dã .

So người học đạo, vô số người thay,
Trúc hóa nên rồng, một hai là họa .
Bởi lòng vợ vất, chỗ Bắc làm Nam,
Nhất chỉ đầu Thiền, sát na hết cả .

Kệ rằng :

得趣林泉成道

Đắc thú lâm tuyền thành đạo

景寂安居自在心

Cảnh tịch an cư tự tại tâm,

凉風吹迤入松陰

Lương phong súy đệ nhập tùng âm .

禪床樹下一經卷

Thiền sàng thu hạ nhất kinh quyển,

兩字清閑勝萬金

Lưỡng tự thanh nhàn thắng vạn kim .

— (Trần-Nhân-Tông)

Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca
(Cảnh vắng ở yên lòng tự tại,
Gió hiu hiu lọt bóng rặng thông .
Đêm thiền dưới gốc kinh một quyển,
Hai chữ thanh nhàn gấp mấy vàng .)

Bài ca trên đây mô-tả hết đạo-vị Thiền do cảnh thiên-nhiên đã gợi ra trong tâm-hồn Ngài Điều-Ngự Giác-Hoàng, Đệ Nhất Tổ Thiền-Tông Trúc-Lâm An-Tử .

Đối với thi-sĩ Việt-Nam, Thiên-nhiên chẳng kém là nguồn phong-phú đạo-vị Thiền. Nguyễn-Trãi, một danh-sĩ từng-trải, thường đối chiếu tâm mình với mây trắng thiên-nhiên :

日長隱几忘言處

Nhật trường ẩn kỷ vong ngôn xứ

人與白雲誰有心

Nhân dữ bạch vân thùy hữu tâm .

(Ngày dài tựa ghé quên lời nói,
Người với mây bay ai có tâm ?)

Thiên là triết-lý không lời vậy " *Giáo ngoại biệt truyền chi tâm tông dã*" (教外別傳之心宗也) (Tâm truyền ngoài lý thuyết) " *Vô ngôn thông*" (無言通) (thông hiểu không qua lời nói .

Và Thiên-nhiên gợi cho Nguyễn-Trãi hình-ảnh " Vô biên " " Tuyệt-đôi " mà ông thường hoài-bảo vưon lên, nổi ý-thức cá-nhân tẩy sạch với ý-thức vũ-trụ (天地之心) " *Thiên địa chi tâm* " như trong bài thơ Tức-Sự của ông kết-luận :

雨過晴嵐窺戶牖
風來雪浪舞庭除

午窗瀟灑無塵累
一片閒心躡太虛

*Vũ quá tình lam khuy hộ dũ
Phong lai tuyết lãng vũ đình trừ
Ngọ song tiêu sái vô trần lụy
Nhất phiến nhân tâm nhiếp thái hư .*

— (即事 *Tức-Sự*)

(Mưa tạnh mù lam luôn qua cửa
Tuyết bay gió cuốn mưa ngoài sân .

Song lam thoát tục thân nhẹ lụy,
Một mảnh tâm-linh nổi Thái-hư .)

Cảnh trời nước một màu gợi lên hình-ảnh cụ-thể linh-động cái tồn-tục, nhất-phiến trong vũ-trụ, vô-hạn, vô-biên như bài Tứ-tuyệt vịnh đề Động Thanh-Hư (清虛) biểu-tượng cho tên hiệu của ông ngoại Băng-Hồ (冰湖) Trần-Nguyên-Đán :

夢山中
清虛洞裡竹千竿
飛瀑霏霏落鏡寒
昨夜月明天似水
夢騎黃鶴上仙壇

Mộng Sơn Trung
Thanh Hư động lý trúc thiên can,
Phi bộc phi phi lạc kính hàn .
Tạc dạ nguyệt minh thiên tự thủy,
Mộng kỳ hoàng hạc thượng tiên đàn .

Trong động Thanh-Hư trúc ngàn cây,
Thác bay suối lạnh bọt tung rơi .
Đêm qua trăng sáng trời như nước,
Mộng cười hạc vàng lên tiên chơi .)

Thiên-nhiên " Nước Trời một sắc " còn là cảm-hứng của Úc-Trai về sự tương-quan giữa Vô với Hữu, Tuyệt-đối với Tương-đối, Hóa-công và Tạo-vật, Bản-thể và Hiện-tượng, cả hai đều màu-nhiệm, cùng Có cùng Không, Siêu-nhiên Nội-tại :

Trời nghi ngút, nước mênh mông,
Hai ấy cùng xem, một thức cùng .

Hương-Thỏ chìm tắm Hải-Nhược,
Nhà-Giao giải bóng Thiềm-Cung .
Bút thiêng Ma-Cật tay khôn mạc,
Câu khéo Huyền-Huy ý chứa đông .
Lẻ có chim bay cùng cá nhẩy,
Mới hay kìa nước nọ hư-không .

Cái tuồng ảo-hóa " Một mà Nhiều " (L'Unité dans la Diversité), trong sự khác nhau thiên-hình vạn-trạng thấy có sự giống nhau, trên quá-trình biểu-hiện khác-biệt đều quy về đồng-nhất-thể " *Đông qui nhi thù đồ* " (同歸而殊途), đây là cảnh " Trăng Nước " (*Thủy Nguyệt* 水月), đã làm nguồn cảm-hứng của Úc-Trai sáng-tác bài thơ " Mặt-Trăng trong Nước " :

Nguyệt trong đáy nước, nguyệt trên không,
Xem ắt lắm một thức đồng .
Hải-Nhược chiết nên cảnh Quế-tử,
Giang-phi chiếm được chức Thiềm-Cung .
Thu cao Thỏ ướm thăm lòng bể,
Vực lạnh châu mừng thoát miệng rồng .
Đan khiếp thiên nhân chẳng nở tịn,
Lùi thuyền lãng đãng ở trên sông .

Trên đây sơ-lược qua văn thơ nói lên địa-vị của Thiên-nhiên trong tâm-hồn một đại Nho-sĩ Việt thế-kỷ XV, mang sẵn hai con người cực-đoan, con người hành-động vì quốc-gia xã-hội và con người chiêm-ngưỡng vũ-trụ thiên-nhiên, con người " Bình Ngô Đại Cáo " và con người " Côn Sơn Ca ", hai khuynh-hướng mâu-thuẫn, nội-hướng (introverti) và ngoại hướng (extraverti) quân-bình-hóa bởi tinh-thần Thượng Thừa Thiên :

" Ta nếu ở đâu vui thú đấy
Người xưa " ăn cả " lọ lâm tuyền ."
_ (Tụ Thán)

Quan-điểm " Đại ấn, ấn triều thị " của Thiền Thượng-Thừa ấy cũng như quan-điểm Bất-Nhị-Pháp của nhà đạt Nho thế-kỷ XIX :

行 藏 不 二 其 觀
" *Hành tàng bất nhị kỳ quan* "
_ (Nguyễn-Công-Trứ)

Và Thiên-nhiên đối với Công-Trứ là một trò chơi đùa của tâm-hồn nghệ-sĩ, với một cái tâm hồn-nhiên như trẻ thơ, hành-vi vô-tâm :

化 兒 多 戲 弄
" *Hóa nhi đa hý lộng* "
(Trẻ Tào-hóa hay chơi đùa).

Vì chơi đùa thì lòng không tính toán, mê chơi, vô cầu :

" Chữ vô cầu là chữ thiên nhiên
Đem bắm Trời, Trời cũng phải khuyên " .
_ (Vô Cầu _ Ca trù)

Đạt tới cái ý-thức Vô-cầu mà hành-động ấy là đạt tới cái Ý-thức Vũ-trụ, cái Tâm Thiên Địa tự hóa thiên-hình vạn-tượng như nhà Nghệ-sĩ sáng-tác :

心 如 工 畫 師
造 種 種 五 陰
一 切 世 間 中
莫 不 從 心 造
" *Tâm như công họa sư,
Tạo chủng chủng ngũ âm ;
Nhất thếi thế-gian trung,
Mạc bất tùng tâm tạo .* "

(Tâm như nhà hội-họa,
Tạo đủ loại danh sắc .
Hết thấy trong thế-gian,
Đều do tâm tự hóa .)
_ (Hoa Nghiêm)

Và sau một cuộc đời hành-động đầy đủ kinh-nghiệm lên voi xuống chó, Công-Trứ đã giác-ngộ được cái Ta thật trong cái Ta giả trong khi ngồi ngắm Thiên-nhiên :

我 今 日 在 坐 之 地
Ngã kim nhật tại tọa chi địa,
古 之 人 曾 先 我 坐 之
Cổ chi nhân tăng tiên ngã tọa chi,
Ngàn muôn năm âu cũng thế nì,
Ai hay hát mà ai hay nghe hát ?
_ (Nhàn)

Ở trong Ta có hai cái Ta, cái Ta biểu-diễn và cái Ta nhìn xem trò đời, tuồng ảo-hóa (Le spectacle) và khán-giả (Le spectateur). Một người ngồi ngắm cảnh thiên-nhiên, người nhập vào cảnh, ai là Ta trong trời đất vùn xoay này ?

道 通 天 地 有 形 外
Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,
思 入 風 雲 變 態 中
Tư nhập phong vân biến thái trung

(Đạo-lý thông suốt vũ-trụ vượt ra ngoài hình tướng,
Tư-tưởng nhập vào trong gió mây các trạng-thái biến-đổi) .

Hỏi giang-san mấy kẻ anh-hùng ?
知 我 者 不 知 我 者
Tri ngã giả bất tri ngã giả .

Người có biết ta hay thì chớ,
Chẳng biết ta, ta vẫn là ta .

靈襟保合大和

Linh khâm bảo hợp thái hòa .

Sạch không trần lụy ấy là thần tiên,

昂藏樂我性天

Ngang tàng lạc ngã tính thiên .

— (Thích-Chí Ngao-Du)

Cái " tính thiên " ấy vừa nội-tại vừa siêu-nhiên (immanent-transcendant) là cái Ta tâm-linh bảo-hợp cả vũ-trụ, là bản-thể đồng nhất của thế-giới Tam-tài Thiên-Địa-Nhân, mà Bà Thanh-Quan cũng đã cảm thấy ở đèo Ngang lúc chiều tà :

" Dừng chân đứng lại, Trời Non Nước,
Một mảnh tình riêng Ta với Ta ."

Và thi-hòa Nguyễn-Du ngắm cảnh thiên-nhiên trước động Tam-Thanh đã đi thẳng vào Thiên-định để trực-giác cả một công-trình tạo thiên lập địa của " Công hạo sư " :

盤古初分不記年
山中生窟窟生泉
萬般水石擅大巧
一粒乾坤開小天
滿境皆空何有相
此心常定不離禪
大師無意亦無盡
俯嘆城中多變遷
— (題二青洞)

Bàn cổ sơ phân bất ký niên,

Sơn trung sinh quật, quật sinh tuyên .

*Vạn ban thủy thạch thiên đại xảo .
Nhất lập kiến khôn khai tiểu thiên .
Mãn cảnh giai không hà hữu tướng ?
Thử tâm thường định bất ly Thiên .
Đại sư vô ý diệc vô tận .
Phủ thán thành trung đa biến thiên ."
_ (Đệ Nhị Thanh Động)*

(Từ ban sơ Bàn-Cổ phân ra trời đất tới nay không nhớ bao nhiêu năm,
Trong núi có động, động có suối .
Vạn thứ nước đá xếp đặt thật là khéo, nghệ-thuật .
Một hạt kê chứa cả vũ-trụ mở ra một thế-giới nhỏ nữa .
Đầy khắp cả trước mắt đều không-hư, đâu là hình tướng ?
Lòng này thường chú định không rời trạng-thái Thiên .
Hóa-Công Đại-sư không có ý sáng-tạo mà công-trình không bao giờ hết .
Nay cúi nhìn vào trong thành biết bao nhiêu là đổi thay, than ôi !)

Dịch vận : (Trời Đất phân ra tự thừa nào,
Núi sinh hang động, suối tuôn reo ;
Xếp thành đá nước nhiều kiểu lạ,
Một hạt càn-khôn mở một bầu .
Cảnh vật tràn đầy không Sắc Tướng,
Tâm thường Thiên-định chẳng chút nao .
Hóa-Công vô ý vô cùng tận,
Nhìn lại Thành xưa biến hóa nhiều !)

Vậy nếu ở Thiên-Chúa giáo Tây-phương các nhà tâm-linh chiêm-ngưỡng Thiên-nhiên để thấy hình-ảnh của Chúa, ở Việt-Nam người nông-dân, qua Thiên-nhiên, Sông Núi, cảm-thông với Hồn Nước, với Tổ-Quốc, với Nguồn Sống vĩnh-cửu, tuần-hoàn. Còn giới Thiên-sư thì thực-hiện Đạo-tâm hay là Ý-thức Vũ-trụ, " *Thiên Địa chi Tâm* " (conscience

cosmique), và thi-nhân ngắm cảnh Thiên-nhiên như Nguyễn-Du trên đây mà có được nguồn Linh-cảm trong cái ý-thức (物我俱亡 " *Vật ngã câu vong* " hợp-nhất chủ-quan với khách-quan :

" Mình với ta tuy hai mà một,
Ta với mình tuy một mà hai ."
_ (Tản-Đà)

Hay là như Nữ-sĩ Thanh-Quan :

" Dừng chân đứng lại Trời Non Nước,
Một mảnh tình riêng Ta với Ta " .
_ (Vịnh Đèo Ngang)

Đây là quan-điểm Thiền, tìm thực-hiện cái ý-thức siêu-nhiên vũ-trụ-hóa trong sự chiêm-ngưỡng cảnh-vật thiên-nhiên, đi đến trạng-thái :

對境無心莫問禪
Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền !

của Trần-Nhân-Tông vậy .